

BỘ XÂY DỰNG

Dự thảo

ĐỀ ÁN

**HỖ TRỢ NHÀ Ở PHÒNG TRÁNH BÃO
CHO CÁC HỘ NGHÈO KHU VỰC DUYÊN HẢI
MIỀN BẮC VÀ MIỀN TRUNG**

Hà Nội, năm 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
MỞ ĐẦU	
I. Sự cần thiết	1
II. Căn cứ pháp lý	5
Chương I	
THỰC TRẠNG VỀ BÃO VÀ NHÀ Ở KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN BẮC VÀ MIỀN TRUNG	
I. Thực trạng bão và áp thấp nhiệt đới khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung	6
II. Đặc điểm của bão	8
III. Những thiệt hại chủ yếu do bão gây ra	10
IV. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thiệt hại do bão gây ra	11
Chương II	
Thực trạng về nhà ở của các hộ dân khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung	
I. Tình trạng nhà ở của các hộ dân	14
II. Một số nhận xét về thực trạng nhà ở của các hộ dân Khu vực và khả năng chống chịu của nhà ở đối với tác động của bão, áp thấp nhiệt đới	15 16
III. Một số biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do bão gây ra tại các địa phương	16
IV. Một số nhận xét, đánh giá việc triển khai thực hiện biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do bão gây ra của các địa phương	17
Chương III	
CÁC QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN PHÒNG TRÁNH BÃO ĐẢM BẢO AN TOÀN NHÀ Ở	
I. Các quy định, hướng dẫn liên quan đến phòng tránh bão, đảm bảo an toàn nhà ở do Nhà nước ban hành.	19
II. Nhận xét, đánh giá các quy định, hướng dẫn phòng tránh bão, đảm bảo an toàn nhà ở	23

Chương IV	
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ Ở	
I. Các chính sách hỗ trợ nhà ở đã ban hành	26
II. Kết quả triển khai thực hiện các chính sách	28
III. Một số nhận xét, đánh giá các chính sách đã ban hành	29
Chương V	
ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ Ở PHÒNG TRÁNH BÃO CHO CÁC HỘ NGHÈO KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN BẮC VÀ MIỀN TRUNG	
I. Đề xuất giải pháp hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão	32
1. Nhóm giải pháp thường xuyên, lâu dài	32
2. Nhóm giải pháp thực hiện trước mắt	33
3. Nhận xét và đề xuất giải pháp	33
II. Đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ	35
1. Quan điểm, nguyên tắc	35
2. Những nội dung chủ yếu của cơ chế, chính sách	36
3. Phương thức thực hiện	42
4. Thời gian và tiến độ thực hiện	42
5. Về tổ chức thực hiện	43
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	
PHỤ LỤC	
Các bảng tổng hợp tính toán	46

MỞ ĐẦU

I. Sự cần thiết

Việt Nam nằm ở khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương là một trong những vùng bão với số lượng lớn và cường độ mạnh với xu thế ngày càng gia tăng. Trong vòng 50 năm trở lại đây, mỗi năm có khoảng 6 cơn bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến Việt Nam. Bão đổ bộ vào cả Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Bão cùng với triều cường nước biển dâng cao, kèm theo mưa lớn kéo dài, gây lũ lụt. Có tới 80 - 90% dân số Việt Nam chịu ảnh hưởng thiệt hại do bão gây ra. Tuy nhiên, khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung là những nơi chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bão, áp thấp nhiệt đới.

Khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung gồm 20 tỉnh từ Quảng Ninh đến Bà Rịa - Vũng Tàu có tổng diện tích tự nhiên 111.117 km², dân số trên 27 triệu người. Do đặc điểm về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, Khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung thường xuyên xảy ra thiên tai, đặc biệt là bão, áp thấp nhiệt đới. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên thiên tai xảy ra với tần suất cao, cường độ mạnh với diễn biến khó lường, không theo quy luật. Thiên tai đã gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản của người dân, đồng thời gây trở ngại cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Tổng hợp báo cáo của các địa phương tại hai khu vực trên, trong khoảng thời gian từ năm 2005 trở lại đây, thiên tai bão, lũ, lụt đã làm chết, bị thương và mất tích trên 10.566 người, trong đó có 3.019 người chết; nhiều tài sản, tư liệu sản xuất thiết yếu, nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật bị phá hủy. Thiên tai đã làm trên 4 triệu căn nhà bị tốc mái, hư hỏng, trên 136.800 căn nhà bị sập đổ hoặc nước cuốn trôi. Tổng thiệt hại ước về kinh tế trên 145 nghìn tỷ đồng. Rất nhiều cơn bão đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản của người dân tại hai khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung. Gần đây nhất trong năm 2013, cơn bão số 14 (bão Haiyan) đổ bộ vào Philippines gây thiệt hại nặng nề cho người dân nước này. Bão Haiyan là cơn bão xoáy thuận nhiệt đới siêu có kỷ lục về sức tàn phá mạnh nhất từng được ghi nhận. Do bão Haiyan đi rất nhanh với cường độ cực mạnh đặc biệt kết hợp với nước biển dâng đã làm hơn 6.000 người bị chết, 1.800 người mất tích và 27.000 người bị thương, trên 1 triệu ngôi nhà và công trình bị hư hỏng hoặc phá hủy hoàn toàn. Toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bị phá hủy và ngừng hoạt động. Thiệt hại kinh tế ước tính ban đầu có thể lên đến 800 triệu USD. Cần khoảng 5,7 tỷ USD và ít nhất 3 năm để xây dựng lại nơi bị ảnh hưởng bởi siêu bão. Khi đổ bộ vào nước ta, bão Haiyan đã suy yếu và đổi hướng nên không gây thiệt hại nhiều. Tuy vậy, cơn bão cũng làm

Để giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên quan tâm đến công tác phòng, chống thiên tai; trong đó đã ban hành nhiều chương trình, chính sách phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai cũng như các chính sách hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Thực hiện các chương trình, chính sách phòng, chống thiên tai, các địa phương trong cả nước cũng như các địa phương thuộc khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung đã và đang triển khai thực hiện nhiều giải pháp như: trồng rừng; bố trí, di dời các hộ dân vùng bão, lụt tới nơi an toàn; xây dựng những công trình công cộng như trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế kiên cố để người dân tạm trú khi có bão, lụt.... Ngoài ra, trong mùa mưa bão, Ban Chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương và chính quyền các địa phương thường xuyên thông báo về tình hình bão, lũ, vận động, kể cả sử dụng các biện pháp hành chính để người dân thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại như: di chuyển tài sản, gia súc lên vùng cao; sơ tán người già, trẻ em đến nơi an toàn; chằng chống nhà cửa chống bão.... Tuy nhiên, do mức độ nguy hiểm của bão, đồng thời do khả năng phòng chống của các công trình nhà ở của người dân còn hạn chế, kể cả do tâm lý của người dân nên hầu như năm nào cũng có người bị chết do bão, kèm theo là tài sản, tư liệu sản xuất, lương thực, thực phẩm của người dân bị thiên tai phá hủy, gây thiệt hại hết sức nghiêm trọng. Công sức lao động, tiết kiệm để xây dựng nhà ở của người dân trong cả năm hoặc nhiều năm bị mất hết chỉ sau một cơn bão. Hàng năm, Nhà nước và chính quyền địa phương đã tốn nhiều thời gian, công sức và tiền của để thực hiện cứu trợ cho người dân bị thiệt hại do thiên tai gây ra. Sau mỗi cơn bão lớn, tiền cứu trợ từ ngân sách có thể lên tới hàng nghìn tỷ đồng.

Cùng với các chính sách hỗ trợ khác, nhiều chính sách về nhà ở cũng đã được Nhà nước ban hành, tạo điều kiện để mọi người dân có nhà ở an toàn, ổn định. Tuy nhiên, chưa có chính sách hỗ trợ phù hợp đảm bảo an toàn nhà ở cho các hộ dân trong khu vực thường xuyên có bão, đặc biệt là các hộ nghèo. Mặt khác, mặc dù các địa phương và người dân trong các khu vực thường xuyên có bão đã có nhiều giải pháp nhằm hạn chế thiệt hại về nhà ở do thiên tai gây ra nhưng do còn nhiều khó khăn về kinh tế, mặt khác thiên tai ngày càng khốc liệt, vì vậy, các giải pháp của các địa phương và người dân chưa đảm bảo ứng phó có hiệu quả với các tác động trước mắt và tiềm tàng do bão, áp thấp nhiệt đới gây ra đối với nhà ở.

Trên thực tế, còn rất nhiều hộ nghèo do điều kiện kinh tế khó khăn nên không có khả năng tự cải thiện nhà ở. Do đó, những hộ này đang ở trong những căn nhà đơn sơ, tạm bợ hoặc chưa có nhà ở. Trong số các hộ nghèo có khó khăn về nhà ở nói trên, nhiều hộ đang cư trú tại khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung là những nơi thường xuyên có bão nên nhà ở của họ rất dễ bị bão phá hủy làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống. Để đảm bảo các hộ nghèo tại hai khu vực nói trên có nhà ở an toàn, phòng tránh có hiệu quả đối với các tác động của bão, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng nghiên cứu, xây dựng đề án Hỗ trợ nhà ở phòng tránh bão cho hộ nghèo khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung (Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014). Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng Đề án là rất cần thiết.

II. Căn cứ pháp lý

Đề án Hỗ trợ hộ nhà ở phòng tránh bão cho các hộ nghèo khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau:

1. Luật Nhà ở (ban hành năm 2005);
2. Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;
3. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014.

Chương I

THỰC TRẠNG, ĐẶC ĐIỂM CỦA BÃO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN BẮC VÀ MIỀN TRUNG

I. Thực trạng bão, áp thấp nhiệt đới

Theo số liệu từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, từ 1961 đến năm 2013, có 291 cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ vào khu vực nước ta; bình quân mỗi năm có khoảng 6 cơn bão và áp thấp nhiệt đới.

Bão ngày càng gia tăng cả về tần suất và cường độ. Trong các năm 1964, 1973, 1978, 2007, 2008, 2009, 2012 và năm 2013, mỗi năm có trên 8 cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ vào nước ta. Những năm gần đây, bão và áp thấp nhiệt đới đổ vào nước ta với số lượng ngày càng nhiều như các năm 2008 và 2009, mỗi năm có 14 cơn bão và áp thấp nhiệt đới; năm 2012 có 10 cơn bão và áp thấp nhiệt đới; đặc biệt gần đây nhất, năm 2013, có tới 19 cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào nước ta.

Hầu như năm nào cũng có những cơn bão có cường độ lớn làm chết nhiều người, phá hủy nhiều công trình kiến trúc, cây cối, hoa màu..., thiệt hại về kinh tế ước tính nhiều nghìn tỷ đồng.

Thời gian gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, số lượng bão đổ bộ và ảnh hưởng đến nước ta ngày càng nhiều. Chỉ tính từ năm 2005 đến 2013, có 89 cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào nước ta, trung bình mỗi năm có khoảng 10 cơn bão và áp thấp nhiệt đới. Hầu hết các cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung hoặc ảnh hưởng nặng đến hai khu vực này. Một số cơn bão lớn gây thiệt hại đáng kể được thống kê theo các năm như sau:

- Năm 2005, bão Damrey (cơn bão số 7) đổ bộ trực tiếp vào ven biển các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa và Hải Phòng vào rạng sáng ngày 27/9/2005 với sức gió mạnh tới cấp 10, 11; có nơi gió giật trên cấp 12. Trước khi đổ bộ vào các tỉnh này, bão vượt qua vịnh Bắc Bộ, tràn vào huyện đảo Bạch Long Vĩ với sức gió cấp 12.

- Năm 2006, bão Xangsane (cơn bão số 6) là một cơn bão mạnh được hình thành từ vùng biển phía Đông Philippines cuối tháng 9/2006. Vào ngày 01/10/2006, vị trí tâm bão ở cách bờ biển Đà Nẵng đến Quảng Ngãi khoảng 70 km về phía đông. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão mạnh cấp 13, giật trên cấp 13, ảnh hưởng mạnh đến các tỉnh miền Trung.

- Năm 2007, bão Lekima (con bão số 5) là cơn bão hình thành vào cuối ngày 30/9/2007, tràn vào địa phận giáp ranh giữa hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh ở mức rất nghiêm trọng. Do ảnh hưởng của bão, vùng ven biển các tỉnh phía Đông Bắc bộ gió sẽ mạnh dần lên cấp 6, cấp 7, vùng gần tâm bão đi qua mạnh cấp 8, cấp 9, giạt cấp 10, cấp 11. Ở Bắc bộ và Thanh Hóa có mưa vừa, mưa to đến rất to và dông. Vùng ven biển các tỉnh từ Quảng Ninh đến Nam Định nước biển dâng kết hợp với thủy triều cao từ 3-5m.

- Ngày 30/9/2008, bão Mekkhala (con bão số 7) đã tiến sâu vào địa phận Quảng Bình với sức gió mạnh cấp 8, cấp 9, giạt cấp 9. Sau khi đổ bộ vào đất liền bão vẫn rất mạnh, suy yếu không đáng kể, gây thiệt hại nghiêm trọng nhiều tài sản, hoa màu của hàng vạn người dân.

- Năm 2009, bão Ketsana (con bão số 9) là một áp thấp nhiệt đới đã mạnh lên thành bão. Bão đổ bộ vào miền Trung nước ta ngày 26/9/2009. Đây là một cơn bão rất mạnh nhất trong hơn 40 năm qua, gió giạt lên đến cấp 14.

- Năm 2010, sáng ngày 23/8/2010, áp thấp nhiệt đới đã mạnh lên thành bão (con bão số 3) có tên quốc tế là Mindulle. Tâm bão cách bờ biển các tỉnh Đà Nẵng, Quảng Ngãi khoảng 280km về phía Đông Đông Bắc. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giạt cấp 9, cấp 10. bão di chuyển theo hướng giữa Tây Tây Bắc và Tây Bắc. Đến ngày 25/8/2010, vị trí tâm bão ở vào đất liền các tỉnh nam đồng bằng Bắc Bộ và Thanh Hóa. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giạt cấp 9, cấp 10. Tính từ tâm bão, vùng gió mạnh nguy hiểm từ cấp 6 trở lên có bán kính khoảng 200 km.

- Năm 2011, bão Haima (con bão số 2) do áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào nước ta chiều ngày 21/6/2011 đã mạnh lên thành bão. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giạt cấp 9, cấp 10. Bão di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Bắc. Đến ngày 23/6/2011, vị trí tâm bão cách Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) khoảng 450km về phía Đông Đông Nam. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giạt cấp 9, cấp 10. Ngày 25/6/2011, vị trí tâm áp thấp nhiệt đới vào vùng bờ biển tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Nam Định. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6, giạt cấp 7.

- Năm 2012, bão Sơn Tinh (con bão số 8), là cơn bão được hình thành từ một áp thấp nhiệt đới ngày 23/10/2012 ở phía đông Philippines trên Thái Bình Dương, sau đó mạnh lên thành bão. Tại nước ta, từ chiều tối ngày 27/10/ 2012, mắt bão Sơn Tinh vào vùng bờ biển miền Trung. Cơn bão này mạnh cấp 11 và đi dọc bờ biển các tỉnh từ Ninh Bình tới Hải Phòng.

- Bão số 8 năm 2013 là một cơn bão nhiệt đới không chính thức hình thành ở biển Đông vào ngày 16/9/2013 và kết thúc vào ngày 18/9/2013. Mặc dù không mạnh, với sức gió chỉ ở cấp 8 giạt cấp 9, nhưng bão số 8 và hoàn lưu của

bão đã gây mưa cho các tỉnh từ Nghệ An đến Khánh Hòa và bắc Tây Nguyên, cùng với một đợt lũ làm thiệt hại nhiều về người và tài sản.

Cùng với gia tăng về số lượng các cơn bão và áp thấp nhiệt đới thì cường độ các cơn bão ngày càng mạnh, tính chất cũng phức tạp hơn. Chỉ tính riêng năm 2013 đã có 4 cơn bão siêu mạnh ảnh hưởng đến nước ta, gồm:

- Siêu bão Utor (bão số 7): Thời gian hoạt động từ ngày 9/8 đến ngày 16/8. Siêu bão Utor với sức gió mạnh nhất ở gần vùng tâm bão mạnh cấp 13, cấp 14 (tức là từ 134 km đến 166 km/h) giật cấp 16, cấp 17. Tuy bão không đổ bộ trực tiếp vào nước ta, song do ảnh hưởng của bão, ở các tỉnh Bắc Bộ có mưa, riêng vùng núi phía Bắc và khu Đông Bắc có mưa to, gây sạt lở.

- Siêu bão Usagi (bão số 9): Chiều ngày 21/9 bão Usagi đi vào khu vực phía Đông Bắc Biển Đông và trở thành cơn bão số 9. Sức gió mạnh nhất ở gần vùng tâm bão mạnh cấp 15, cấp 16 (tức là từ 167 km đến 210 km/h) giật trên cấp 17.

- Siêu bão Wutip (bão số 10): Chiều 30/9 siêu bão số 10 có cường độ rất lớn với sức gió tối đa 149 km/h (cấp 13), giật cấp 16 đã đổ bộ vào hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị. Đặc biệt tại Thành Phố Đồng Hới, nơi tâm bão đi qua, gió bão giật rất mạnh đã tàn phá nặng nề nhà cửa, cơ quan công sở và tài sản của người dân.

- Siêu bão Haiyan (bão số 14): Siêu bão Haiyan đổ bộ vào Philippines ngày 8/11 mang theo sức gió vào khoảng 320 km/h, giật mạnh lên tới 379 km/h, sóng cao tới 15 km và mang theo lượng mưa rất lớn. Haiyan được cho là siêu bão mạnh nhất thế giới trong năm nay và là một trong 4 siêu bão mạnh nhất lịch sử nhân loại.

Siêu bão đã gây nên những thiệt hại nặng nề về người và của tại miền trung Philippines. Siêu bão cũng có những ảnh hưởng không nhỏ tới Việt Nam. Ngày 10/11 ở khu vực Bắc Trung Bộ và các tỉnh phía Đông Bắc Bộ có mưa vừa mưa to, riêng vùng đồng bằng ven biển và khu vực Đông Bắc Bộ có mưa to đến rất to làm thiệt hại đáng kể về người và tài sản của người dân.

II. Đặc điểm của bão

Duyên hải miền Bắc và miền Trung là hai khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của bão. Khi đổ bộ vào hai khu vực trên, bão thường có một số đặc điểm như sau:

1. Chu kỳ bão thất thường

Thông thường, bão đổ bộ vào khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung từ tháng 6 và nhiều nhất trong các tháng 9, 10, 11 (chiếm 70%). Tuy

nhiên, cũng có những cơn bão xuất hiện sớm hơn hoặc muộn hơn như: cơn bão Mamie đổ bộ vào bờ biển nam Trung Bộ ngày 25/3/1982 và suy yếu thành áp thấp nhiệt đới gây mưa lớn làm xuất hiện lũ ngay trong mùa khô, hoặc cơn bão Faith đổ bộ vào tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hoà ngày 14/12/1998 gây mưa lớn trên diện rộng.

Thông thường hàng năm, bão xuất hiện sớm tại khu vực duyên hải miền Bắc và di chuyển dần vào khu vực duyên hải miền Nam. Tuy nhiên, gần đây, có những cơn bão xuất hiện muộn tại khu vực phía Bắc. Điển hình như cơn bão Sơn Tinh năm 2012 (bão số 8). Do việc thay đổi chu kỳ bất thường, bão xuất hiện bất ngờ trái mùa nên người dân không chủ động phòng tránh bão. Vì vậy, cơn bão số 8 đã gây thiệt hại đáng kể về người và tài sản của người dân tại các tỉnh từ Ninh Bình tới Hải Phòng.

2. Cường độ bão mạnh

Bão đổ bộ vào khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung có cường độ mạnh. Nhiều cơn bão gây ra gió mạnh cấp 12, trên cấp 12; gió giật có khi đạt đến cấp 13-15 hoặc mạnh hơn; bão mạnh thường đổ bộ vào vùng Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, Bình Định đôi khi cũng chịu ảnh hưởng của những cơn bão mạnh như: Năm 2009, bão Ketsana (bão số 9) là một áp thấp nhiệt đới đã mạnh lên thành bão đổ bộ vào miền Trung nước ta ngày 26/9/2009. Đây là một cơn bão rất mạnh, gió giật lên đến cấp 14 - 15, cơn bão mạnh nhất trong hơn 40 năm qua.

3. Tần suất bão ngày càng tăng

Trung bình hàng năm có 6 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta. Đáng lưu ý là xảy ra trường hợp bão đổ bộ liên tiếp, dồn dập trong thời gian ngắn: vào tháng 9/1964 và tháng 9/1978, chỉ trong 15 ngày đã có 3 cơn bão mạnh đổ bộ liên tiếp vào miền Trung. Trong năm 1998 chỉ trong vòng một tháng (từ 14/11- 14/12) đã có 4 cơn bão liên tiếp đổ bộ vào miền Trung. Riêng năm 2013 có tới 19 cơn bão xuất hiện trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 10. Khi bão xuất hiện thường kèm theo mưa lớn gây nên lũ, lụt. Bão đã kéo theo mưa lớn gây ra nhiều trận lũ, lụt lịch sử trong khu vực.

4. Bão thường kéo theo các loại hình thiên tai khác tăng sức phá hủy và thiệt hại khi nó đi qua

Mưa do bão rất lớn, diện rộng, nhất là khi có dải hội tụ nhiệt đới và tác động của không khí lạnh. Lũ, lụt lớn có thể xảy ra đồng bộ trên một số lưu vực sông bao trùm ít nhất vài ba tỉnh. Thiệt hại chủ yếu do gió bão, sau đó là mưa, lũ, lụt, nước dâng.

Kèm theo bão, mưa thường rất to, cường độ lớn, diện rộng, kéo dài nhiều ngày (7-15 ngày), tâm mưa có thể đạt từ 800 - 1.000 mm, có trường hợp trên 1.500-2.000 mm khi có tác động của không khí lạnh. Một số cơn bão kết hợp với không khí lạnh đã gây mưa rất to và đặc biệt to như: bão Lekima (bão số 5) ngày 3/10/2007 là cơn bão hình thành vào cuối ngày 30/9/2007, tràn vào địa phận giáp ranh giữa hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh ở mức rất nghiêm trọng. Do ảnh hưởng của bão, vùng ven biển các tỉnh phía đông Bắc Bộ gió sẽ mạnh dần lên cấp 6, cấp 7; vùng gần tâm bão đi qua mạnh cấp 8, cấp 9; giật cấp 10, cấp 11. Ở Bắc Bộ và Thanh Hóa có mưa vừa, mưa to đến rất to và dông. Vùng ven biển các tỉnh từ Quảng Ninh đến Nam Định nước biển dâng kết hợp với thủy triều cao từ 3-5 m.

5. Vùng ảnh hưởng của bão rộng

Vùng gió mạnh cấp 9, 10 thường rộng, với bán kính từ 50 - 200 km. Thiên tai bão, lũ, lụt thường xảy ra ở khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung với quy mô nhỏ cũng tác động đến 2-3 tỉnh, còn với quy mô lớn có thể xảy ra trên toàn vùng như những năm 1964, 1970, 1975, 1985, 1987, 1996, 1998, 1999, 2003, 2007, 2010. Những trận mưa lớn làm ngập lụt hàng trăm làng mạc, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản của người dân. Có những cơn bão với quy mô lớn có thể xảy ra trên toàn vùng như những năm 2005, 2006, 2008, 2009, 2010 và năm 2013. Đặc biệt, cơn bão số 8 năm 2013, với sức gió chỉ ở cấp 8 giật cấp 9, nhưng hoàn lưu của bão đã gây mưa cho các tỉnh từ Nghệ An đến Khánh Hòa và Bắc Tây Nguyên, cùng với một đợt lũ gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản.

III. Những thiệt hại chủ yếu do bão gây ra

Trong những năm vừa qua, thiên tai nói chung và bão nói riêng đã gây ra nhiều tổn thất nặng nề đối với người dân khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung. Bão gây thiệt hại về người và tài sản cho người dân. Bão làm sập đổ, hư hỏng các công trình xây dựng, nhà ở và các cơ sở hạ tầng kinh tế khác. Bão kèm theo mưa lớn gây lũ, lụt làm hàng trăm nghìn ngôi nhà bị ngập, hàng chục nghìn căn nhà bị hư hỏng, trong đó hàng nghìn căn nhà bị sập đổ hoặc bị nước cuốn trôi, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân.

Tổng hợp thiệt hại do bão và áp thấp nhiệt đới gây ra trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2013 theo bảng sau:

BẢNG TỔNG HỢP THIẾT HẠI DO BÃO TỪ NĂM 2005 - 2013

TT	Năm	Số người chết (người)	Số người bị thương (người)	Số người mất tích (người)	Nhà bị sập, đổ trôi (căn nhà)	Nhà bị tốc mái, siêu vẹo, hỏng (căn nhà)
1	2005	124	217	18	5.896	184.553
2	2006	233	2.029	267	74.739	534.085
3	2007	198	435	15	3.930	165.454
4	2008	315	351	62	4.609	90.540
5	2009	344	1.361	12	12.731	376.598
6	2010	47	197	15	2.533	68.576
7	2011	100	171	9	934	42.424
8	2012	102	23	23	2.532	102.819
9	2013	187	20	20	11.957	886.186
	Tổng cộng	1.650	4.804	441	119.861	2.451.235

Tóm lại, bão, áp thấp nhiệt đới gây ra những tổn thất nặng nề về người và tài sản của người dân khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung. Bão phá hoại các công trình, kết cấu hạ tầng tại địa phương, phá hoại môi trường sinh thái, gây nhiều khó khăn cho các địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

IV. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thiệt hại do bão gây ra

Để có các giải pháp phòng tránh hiệu quả, cần phải nghiên cứu, tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến thiệt hại do bão gây ra. Một số nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến thiệt hại do bão gây ra như sau:

1. Những nguyên nhân chủ quan

- Do tập quán định cư của người dân:

+ Do có nhiều điều kiện thuận lợi trong sản xuất, phát triển kinh tế nên vùng đồng bằng ven biển là nơi có nhiều dân cư sinh sống với mật độ cao. Do đó khi có bão thì số gia đình tại những nơi này bị thiệt hại nhiều hơn so với các nơi khác.

+ Một bộ phận dân cư sinh sống tại khu vực ven biển và các cửa sông làm nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản. Bộ phận dân cư này dễ bị tác động bởi triều cường, nước biển dâng, lũ lụt do bão, áp thấp nhiệt đới gây ra.

- Do phân bố các khu chức năng chưa hợp lý:

+ Quy hoạch sắp xếp, bố trí hệ thống dân cư nông thôn hiện nay còn chưa đồng bộ, thiếu sự phối hợp lồng ghép với chương trình phòng chống thiên tai.

+ Xây dựng các khu chức năng chưa chú trọng đến việc đảm bảo an toàn và né tránh bão; đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu du lịch, các khu đô thị vùng ven biển...

+ Việc lấn biển để xây dựng các công trình ở những nơi có nguy cơ cao về bão làm cho công trình luôn trong tình trạng bị đe dọa, mất an toàn.

+ Quy hoạch phát triển chưa thực sự gắn liền với công tác bảo vệ, bảo tồn cảnh quan môi trường thiên nhiên như phá vỡ còn cát tự nhiên ven biển, phá rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy hải sản.

- Trang thiết bị chuyên dụng cho công tác phòng, chống bão chưa được đầu tư một cách thích đáng, làm giảm hiệu quả cho công tác cứu trợ, cứu nạn.

- Do công tác dự báo, cảnh báo còn yếu: Trong những năm gần đây, do biến đổi của khí hậu, thời tiết nên thiên tai trên cả nước nói chung và khu vực miền Trung nói riêng diễn biến bất thường. Vì vậy, thiên tai bão, lũ cũng thường xảy ra bất ngờ, không theo quy luật cả về thời gian, không gian và cường độ. Tuy vậy, số lượng các trạm quan trắc khí hậu, thời tiết trong khu vực còn thiếu nên kết quả phân tích các hiện tượng thời tiết chất lượng còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu. Chính vì thế dẫn đến việc cảnh báo, dự báo bão chưa chính xác và chưa kịp thời. Ngoài ra, thiếu các trung tâm dự báo, cảnh báo sớm thiên tai trong khu vực nên người dân và chính quyền địa phương không có sự chủ động trong việc phòng chống và ứng phó với bão.

- Việc thực hiện các quy định về phòng chống bão chưa tốt. Thiếu chế tài xử lý hoặc xử lý chưa triệt để những trường hợp vi phạm công tác phòng chống thiên tai bão. Còn có sự chông chéo về chức năng, nhiệm vụ cũng như phân định rõ trách nhiệm cho các cấp, các tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, do cơ chế, chính sách còn thiếu và chưa đồng bộ như: chưa có chính sách khuyến khích tham gia bảo hiểm về thiên tai; chưa có chính sách động viên, khen thưởng những tổ chức, cá nhân tự nguyện, có thành tích tham gia phòng chống thiên tai...

- Do ý thức chủ quan của chính quyền và người dân: Công tác phòng chống bão chưa thực sự được coi trọng. Nhiều địa phương chưa quan tâm làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về phòng chống thiên tai; chưa

thực hiện việc tập huấn cho người dân việc phòng tránh thiên tai; chưa kiên quyết đối với những trường hợp còn lơ là, chủ quan, mất cảnh giác hoặc không thực hiện các quy định khi có bão xảy ra. Một bộ phận người dân chưa có sự nhận thức đầy đủ đến công tác phòng chống bão.

2. Những nguyên nhân khác quan

- Về vị trí địa lý: Nước ta nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, là một trong 5 ổ bão của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung của nước ta trải dài dọc theo bờ biển, là nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của các cơn bão và áp thấp nhiệt đới xuất phát từ rốn bão Philíppin. Bão, áp thấp nhiệt đới kéo theo mưa to trên diện rộng làm ảnh hưởng tại hầu hết các địa phương trong khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung.

- Về địa hình: Nước ta là dải đất ven biển dài trên 3000 km, trong đó phần lớn là khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung. Do đặc điểm trên nên hai khu vực này thường xuyên là những nơi bị ảnh hưởng nhiều của bão.

- Về khí hậu: Khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung chịu tác động của không khí lạnh tràn xuống từ phía Bắc nên mỗi khi có bão, áp thấp nhiệt đới hoặc dải hội tụ nhiệt đới cùng với tác động của không khí lạnh thường gây mưa với cường độ rất lớn và thời gian kéo dài gây thiệt hại nghiêm trọng về nhà ở.

Ngoài ra, nhiều nơi thuộc khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung thường xuyên nắng nóng, thời tiết khắc nghiệt, đất đai xấu không thuận lợi cho việc trồng rừng ven biển để chắn bão cũng như trồng rừng đầu nguồn để ngăn lũ, do vậy bão đổ bộ vào đất liền thường có cường độ mạnh, kèm theo mưa lớn gây đổ nhà hoặc làm hư hỏng nhà ở.

- Về chất lượng nhà ở của người dân: Do điều kiện về kinh tế còn khó khăn của một bộ phận người dân trong khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung nên nhiều căn nhà chất lượng còn kém, dễ bị sập đổ, hư hỏng do bị tác động của bão.

Chương II
THỰC TRẠNG NHÀ Ở CỦA NGƯỜI DÂN KHU VỰC
DUYÊN HẢI MIỀN BẮC VÀ MIỀN TRUNG

I. Thực trạng nhà ở của các người dân

Kết quả điều tra khảo sát thực trạng về số lượng nhà ở, chất lượng nhà ở, tổng diện tích nhà ở, diện tích ở bình quân, hình thức sở hữu nhà ở khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung như sau:

1. Về số lượng nhà ở

Số hộ dân có nhà ở trên địa bàn các tỉnh khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung là **7.387.340 hộ**.

Trong đó:

- Số hộ có nhà ở tại khu vực đô thị: 1.986.616 hộ, chiếm 26,9%;
- Số hộ có nhà ở tại khu vực nông thôn: 5.400.724 hộ, chiếm 73,1%.

2. Về chất lượng nhà ở

Theo tiêu chí phân loại nhà ở trong cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở toàn quốc ngày 01/4/2009, thì chất lượng nhà ở được phân ra bốn loại: Kiên cố, bán kiên cố, thiếu kiên cố và đơn sơ. Kết quả phân loại nhà ở các tỉnh khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung theo tiêu chí trên theo bảng sau:

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG NHÀ Ở CÁC TỈNH
KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN BẮC VÀ MIỀN TRUNG

Đơn vị tính: hộ

TT	Loại nhà	Tổng số		Khu vực đô thị		Khu vực nông thôn	
		Số hộ có nhà ở	Tỷ lệ (%)	Số hộ có nhà ở	Tỷ lệ (%)	Số hộ có nhà ở	Tỷ lệ (%)
1	Kiên cố	5.131.497	68,4	1.116.122	56,2	4.015.375	74,3
2	Bán kiên cố	1.858.730	26,1	822.349	41,4	1.036.381	19,2
3	Thiếu kiên cố	190.140	2,7	20.279	1	169.861	3,1
4	Đơn sơ	206.463	2,9	27.726	1,4	178.737	3,3
5	Không xác định	510	0,01	140	0,1	370	0,01
	Cộng	7.387.340	100	1.986.616	100	5.400.724	100

3. Diện tích nhà ở

- Diện tích nhà ở các tỉnh khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung: 464.131.912 m².

Trong đó:

- Diện tích nhà ở tại khu vực đô thị: 152.212.510 m²;
- Diện tích nhà ở tại khu vực nông thôn: 311.919.402 m².

4. Diện tích ở bình quân

Tổng số dân của các tỉnh khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung theo kết quả điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2009 là 28.317.789 người. Trong đó ở khu vực đô thị có 7.108.149 người, ở khu vực nông thôn có 21.209.040 người.

- Diện tích ở bình quân chung tại các tỉnh khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung: 17,2 m²/người;

- Diện tích ở bình quân tại khu vực đô thị: 21,8 m²/người;
- Diện tích ở bình quân tại khu vực nông thôn: 15,7 m²/người.

5. Hình thức sở hữu nhà ở

Tổng số người có nhà ở các tỉnh khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung: 27.231.170 người;

- Số người có nhà ở riêng: 27.231.170 người, chiếm tỷ lệ 99,2%;
- Số người có nhà ở không xác định là 49.853 người chiếm tỷ lệ 0,18%.

II. Nhận xét, đánh giá thực trạng nhà ở của người dân và khả năng chống chịu của nhà ở đối với tác động của bão, áp thấp nhiệt đới

1. Nhận xét, đánh giá thực trạng nhà ở của người dân

- Hầu hết người dân có nhà ở. Tỷ lệ người dân có nhà ở cao 96,2%.

- Số hộ ở nhà kiên cố, bán kiên cố chiếm tỷ lệ cao. Tuy nhiên, số hộ ở nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ còn nhiều (396.603 hộ). Số nhà ở loại này rất dễ bị sập đổ, hư hỏng khi bị tác động của gió bão. Ngoài ra, trong số 1.858.730 căn nhà bán kiên cố, cũng rất nhiều căn nhà có thể bị tốc mái, hư hỏng khi nằm trong vùng thường xuyên có bão.

- Diện tích ở bình quân: 17,2 m²/người, thấp hơn so với diện tích ở bình quân của cả nước là 17,9 m²/người. Có tỉnh có diện tích ở bình quân quá thấp như tỉnh Ninh Thuận: 13,1m²/người; nhiều tỉnh có diện tích ở bình quân khoảng trên 15m²/người như các tỉnh: Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Quảng Trị và Bình Thuận.

2. Đánh giá khả năng chống chịu của nhà ở đối với tác động của bão, áp thấp nhiệt đới

Qua khảo sát thực tế cho thấy nhà ở kiên cố bị ảnh hưởng ít nhất khi có bão, gió lớn. Tuy nhiên, những căn nhà thấp tầng dễ bị ngập lụt khi có bão kèm theo mưa lớn.

Nhà ở bán kiên cố ít bị sập đổ. Tuy nhiên, nhà bán kiên cố dễ bị hư hỏng, nhất là dễ bị tốc mái. Những căn nhà thấp tầng cũng dễ bị ngập lụt khi bão kèm theo mưa lớn.

Nhà ở thiếu kiên cố, đơn sơ rất dễ bị sập đổ do bão, gió lớn và cũng dễ bị ngập hoặc bị nước cuốn trôi khi có lũ lớn.

Trên thực tế, đa số hộ hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn ở nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ có chất lượng thấp; diện tích ở chật hẹp; tiện nghi không có gì đáng kể. Do điều kiện kinh tế, các hộ nghèo không có khả năng tự cải thiện nhà ở. Vì vậy, ngoài việc hỗ trợ của chính quyền địa phương, thì Trung ương cần có những cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp, đảm bảo các hộ nghèo có nhà ở an toàn, phòng tránh có hiệu quả với tác động của bão, áp thấp nhiệt đới.

III. Một số biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do bão gây ra tại các địa phương

Trong những năm vừa qua, chính quyền địa phương và các hộ dân vùng thường xuyên có bão đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp phòng chống tích cực, nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai, đặc biệt là do bão gây ra. Cụ thể như sau:

- Nâng cao năng lực và thực hiện việc dự báo, cảnh báo thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, lụt. Kịp thời thông báo đến người dân tình hình thời tiết, khả năng xảy ra bão trên địa bàn để có biện pháp phòng, chống kịp thời;

- Thực hiện việc quy hoạch, bố trí dân cư phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời phù hợp với chiến lược phòng chống và giảm nhẹ thiên tai của địa phương. Thực hiện việc di dời, sắp xếp và ổn định đời sống nhân dân vùng thường xuyên xảy ra thiên tai theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Bảo đảm các quy hoạch phát triển, quy chuẩn xây dựng kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội và khu dân cư trong vùng thường xuyên bị thiên tai phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống bão, lũ, thiên tai của từng địa phương;

- Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến quy định phòng chống thiên tai nói chung và phòng chống bão nói riêng. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo đúng quy định. Xử lý nghiêm các trường

hợp vi phạm các quy định về phòng chống bão để các quy định được thực hiện nghiêm túc;

- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật lực cho công tác phòng chống thiên tai. Thực hiện phương châm 4 tại chỗ (lực lượng tại chỗ; chỉ huy tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ), kết hợp với lực lượng, phương tiện ứng cứu từ các đơn vị chủ đạo. Trường hợp vượt quá khả năng xử lý của địa phương thì báo cáo cấp trên có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời;

- Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão các địa phương. Tổ chức hướng dẫn, giúp đỡ người dân phòng chống thiên tai bão, lũ, lụt nhằm hạn chế đến mức tối đa thiệt hại về tính mạng, tài sản của nhân dân nếu xảy ra bão trên địa bàn;

- Nhiều địa phương xây dựng các công trình công cộng kiên cố, đảm bảo di dời các hộ dân đến ở trong trường hợp nhà ở của hộ dân bị tốc mái, sập đổ hư hỏng;

- Hỗ trợ, hướng dẫn, giúp đỡ các hộ dân phòng tránh bão; hướng dẫn gia cố nhà ở chắc chắn hoặc xây dựng mới nhà ở có chất lượng tốt, đảm bảo khả năng phòng, chống tác động của bão, nhất là hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng là hộ gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật gia cường nhà ở để tăng khả năng chống tác động của bão, gió lớn.

IV. Một số nhận xét, đánh giá việc triển khai thực hiện biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do bão gây ra tại các địa phương

Việc triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống nhằm làm giảm thiệt hại do bão gây ra của các địa phương cho thấy các biện pháp đã đảm bảo phù hợp với thực tế, phát huy tính tích cực; có tác dụng trong việc phòng, chống tác động của bão, do vậy đã hạn chế thiệt hại về tính mạng và tài sản của người dân. Trong các cơn bão xảy ra vừa qua, những địa phương thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống trên đã mang lại nhiều kết quả tốt trong việc làm hạn chế những thiệt hại do bão gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cũng còn một số tồn tại, hạn chế nhất định như sau:

- Trong việc thực hiện phương châm "4 tại chỗ" chưa có sự quan tâm đầy đủ đến yếu tố nòng cốt là phát huy sự chủ động của các hộ gia đình trong việc chủ động tự phòng tránh, làm hạn chế thiệt hại do bão gây ra;

- Biện pháp xây dựng nhà ở kiên cố, đảm bảo an toàn cho hộ gia đình đã chứng minh là hiệu quả, nhưng do điều kiện kinh tế của phần lớn hộ nghèo không có khả năng để xây dựng;

- Trong thời gian qua, việc hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng chủ yếu là khắc phục hậu quả do bão gây ra mà chưa thực hiện hỗ trợ để giúp người dân có điều kiện phòng tránh thiên tai có hiệu quả;

- Công tác di dời các hộ dân trong vùng thường xuyên bị thiên tai còn gặp nhiều khó khăn như phải chuẩn bị đất ở, đất sản xuất, xây dựng các công trình hạ tầng... Ngoài ra, do phong tục tập quán nên người dân cũng không muốn di dời đến nơi ở mới. Vì vậy, khó có thể thực hiện nhanh với số lượng lớn, mà chủ yếu mới thực hiện việc di dời các hộ dân trong khu vực sạt lở, lũ quét, lũ ống hoặc sụt lún đất.

Ngoài ra, còn một số hạn chế khác như: công tác dự báo bão nhiều khi chưa kịp thời; hệ thống cảnh báo bão còn thiếu và chưa đồng bộ nên chưa có sự cảnh báo sớm để người dân chủ động; việc chấp hành các quy định về phòng chống thiên tai chưa nghiêm túc, còn có biểu hiện chủ quan; sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan và với địa phương trong việc phòng chống thiên tai còn chưa chặt chẽ, trách nhiệm chưa rõ ràng làm hạn chế đến công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện. Do đó, khi có bão, đặc biệt là những cơn bão xảy ra bất thường, không theo quy luật hoặc xảy ra liên tục, kéo dài trong nhiều ngày thì vẫn có những thiệt hại lớn cho người dân.

Chương III

CÁC QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN PHÒNG, TRÁNH BÃO ĐẢM BẢO AN TOÀN NHÀ Ở

I. Các quy định, hướng dẫn liên quan đến việc phòng tránh bão, đảm bảo an toàn nhà ở do Nhà nước ban hành.

Bão, lụt là hiện tượng tự nhiên, thường xảy ra ở nước ta gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản của Nhà nước, của tập thể và của cá nhân, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Để nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân trong việc phòng tránh và khắc phục hậu quả do bão gây ra, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy định và hướng dẫn để thống nhất thực hiện trên phạm vi cả nước. Cụ thể như sau:

1. Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003

Để đảm bảo chất lượng công trình xây dựng nói chung cũng như công trình nhà ở thì khảo sát xây dựng là khâu trọng yếu trong thiết kế công trình. Luật Xây dựng quy định yêu cầu khảo sát, nội dung khảo sát, điều kiện các tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát.

Khảo sát xây dựng là hoạt động thị sát, đo vẽ, thăm dò, thu thập, phân tích, nghiên cứu và đánh giá tổng hợp điều kiện thiên nhiên của vùng, địa điểm xây dựng về địa hình, địa mạo, địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, các quá trình và hiện tượng địa chất vật lý, khí tượng thủy văn, hiện trạng công trình để lập các giải pháp đúng đắn về kỹ thuật và hợp lý nhất về kinh tế khi thiết kế, xây dựng công trình.

Luật Xây dựng quy định khảo sát xây dựng phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu từng loại công việc, từng bước thiết kế; đảo đảm tính trung thực, khách quan, phản ánh đúng thực tế; khối lượng, nội dung, yêu cầu kỹ thuật đối với khảo sát xây dựng phải phù hợp với nhiệm vụ khảo sát, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng. Đối với những công trình quy mô lớn, công trình quan trọng phải có khảo sát quan trắc các tác động của môi trường như gió, bão đến công trình trong quá trình xây dựng và sử dụng. Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng công tác khảo sát xây dựng, Luật Xây dựng quy định điều kiện cụ thể đối với tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát xây dựng phải có đăng ký hoạt động khảo sát xây dựng; có đủ năng lực khảo sát xây dựng; mỗi nhiệm vụ khảo sát xây dựng phải có chủ nhiệm khảo sát xây dựng có đủ năng lực hành nghề khảo sát xây dựng và có chứng chỉ hành nghề phù hợp.

2. Pháp lệnh ngày 08 tháng 03 năm 1993 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về việc phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão; Pháp lệnh số 27/2000/PL-UBTVQH10 ngày 24/8/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão.

Để đảm bảo an toàn cho các công trình xây dựng trong đó có nhà ở, Pháp lệnh quy định việc phòng ngừa lụt, bão lâu dài bao gồm quy định tiêu chuẩn về phòng, chống lụt, bão cho từng vùng đối với các loại công trình xây dựng; đồng thời quy định việc xây dựng mới các loại công trình phòng phải phù hợp với quy hoạch và đảm bảo tiêu chuẩn về phòng, chống lụt, bão.

3. Nghị định số 08/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24/8/2000.

Nghị định quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quy hoạch, kế hoạch xây dựng nhà ở với kết cấu phù hợp cho việc phòng, tránh lũ, bão. Ngoài ra, Nghị định quy định Bộ Xây dựng có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về đảm bảo an toàn cho người, công trình xây dựng phù hợp với pháp luật về phòng, chống lụt, bão; chủ trì, phối hợp và hướng dẫn các địa phương thực hiện quy hoạch xây dựng, đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa bão; tổ chức nghiên cứu, ban hành thiết kế điển hình (mẫu nhà, công trình) có kết cấu phù hợp với đặc điểm lũ, bão ở từng vùng, địa phương; chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra các công trình xây dựng theo quy định.

4. Nghị định số 04/2010/NĐ-CP ngày 15/10/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão.

Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão bao gồm: phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả lụt, bão.

5. Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Nghị định này hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng về quản lý chất lượng công trình xây dựng; áp dụng đối với chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức và cá nhân có liên quan trong công tác khảo sát, thiết kế công trình xây dựng. Để đảm bảo chất lượng công tác khảo sát, thiết kế công trình xây dựng, Nghị định quy định rõ nhiệm vụ khảo sát xây dựng phải phù hợp với yêu cầu từng loại công việc khảo sát, từng bước thiết kế; phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng; công tác nghiệm thu đánh giá chất lượng công tác khảo sát.

Nghị định quy định quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng đối với các công trình xây dựng dân dụng bao gồm công trình công cộng và nhà ở do Bộ Xây dựng ban hành. Những tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam thuộc các lĩnh vực bắt buộc áp dụng trong đó gồm: điều kiện khí hậu xây dựng; điều kiện địa chất thủy văn, khí tượng thủy văn.

6. Quyết định số 133/2009/QĐ-TTg ngày 03/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai trên biển

Quyết định quy định trách nhiệm của đơn vị ra bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai trên biển; trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan trực tiếp và các cơ quan thông tin, báo chí, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương và Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn, trách nhiệm của các Bộ, ngành ở Trung ương; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố ven biển trực thuộc Trung ương trong việc cảnh báo, dự báo thiên tai.

Quyết định quy định chế độ phát bản tin, chất lượng và độ chính xác của bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai phải kịp thời và hiệu quả để các cơ quan, tổ chức và cá nhân chủ động phòng, tránh thiên tai, trong đó có bão.

7. Quyết định số 131/QĐ-BXD ngày 16/02/2009 của Bộ Xây dựng, Ban hành thiết kế điển hình.

Để đảm bảo an toàn nhà ở tránh bão, lũ, Quyết định quy định thiết kế điển hình cho nhà ở công nhân khu công nghiệp; công sở làm việc cấp xã áp dụng cho vùng núi, vùng ngập lũ và thiết kế điển hình bộ phận nhà ở vùng bão, lụt.

Thiết kế điển hình trong Quyết định đưa ra một số giải pháp kết cấu, kiến trúc và một số mẫu nhà để người dân trong vùng ảnh hưởng của bão có thể vận dụng làm nhà của mình; tạo độ vững chắc cho ngôi nhà, giảm thiểu được tác động xấu do bão gây ra.

Thiết kế điển hình trong Quyết định cũng giới thiệu giải pháp chằng chống nhà cửa, gia cố mái nhà, để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới để các hộ dân có thể vận dụng gia cố nhà của mình.

8. Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15/7/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và điều kiện năng lực của tổ chức, các nhân trong hoạt động xây dựng.

Thông tư quy định Bộ Xây dựng thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi cả nước, đồng thời có trách nhiệm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng trong đó có công trình nhà ở.

9. Thông tư số 39/2009/TT-BXD ngày 09/12/2009 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ.

Thông tư này áp dụng đối với các hộ gia đình, cá nhân khi xây dựng nhà ở riêng lẻ. Thông tư quy định nguyên tắc chung đối với xây dựng nhà ở phải có thiết kế. Thiết kế nhà ở phải được lập trên cơ sở tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật có liên quan; phải bảo đảm an toàn cho nhà ở.

10. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng liên quan đến bão

10.1. Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4419-1987

Tiêu chuẩn này quy định nội dung công tác khảo sát khí tượng, thủy văn. Yêu cầu khảo sát để thu thập, phân tích và tổng hợp những số liệu đã có về điều kiện thủy văn, khí tượng của vùng và địa điểm xây dựng bao gồm: khảo sát khái quát ngoài hiện trường; quan trắc thủy văn và khí tượng để tính toán thiết kế công trình.

10.2. Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2737:1995

Khi thiết kế công trình cần xác định tải trọng và tổ hợp tải trọng tác động. Xác định tất cả các loại tải trọng và tác động khả dĩ xuất hiện trong quá trình xây dựng, sử dụng, sửa chữa và bảo trì công trình. Công trình và các tổ hợp tải trọng bất lợi của chúng phải được xét đến trong thiết kế kết cấu. Các loại tải trọng và tác động này có thể tác dụng theo phương thẳng đứng hay theo phương nằm ngang, có thể là các tác động thường xuyên hay các tác động thay đổi theo thời gian, các ảnh hưởng của môi trường, khí hậu trong suốt thời gian sử dụng công trình.

Trong vùng bão lũ, việc xác định tải trọng do gió tác động là rất quan trọng. Khi tính toán tải trọng gió đối với nhà cao tầng cần hiểu và xác định đúng các giá trị đầu vào để thiết kế vì tải trọng ngang là nổi trội so với tải trọng thẳng đứng.

Trong tiêu chuẩn TCVN 2737:1995 có quy định tải trọng và tác động dùng để thiết kế các kết cấu xây dựng, nền móng nhà và công trình; quy định việc xác định số liệu đầu vào khi tính toán tải trọng gió, hệ số chuyển đổi chu kỳ lặp; hướng dẫn chuyển đổi số liệu đầu vào cho phù hợp với đặc trưng tính toán của các tiêu chuẩn đó như: vận tốc gió trung bình, thời gian đo vận tốc gió trung bình, chu kỳ lặp,.... để thiết kế các công trình xây dựng trong đó có nhà ở.

10.3. Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14/12/1996 về việc ban hành Quy chuẩn xây dựng Việt Nam

Trong Quy chuẩn đã quy định điều kiện kỹ thuật chung để thiết kế các công trình xây dựng phải đảm bảo an toàn về kết cấu. Theo đó, tải trọng gió phải được tính đến không chỉ trong thiết kế mà cả trong thi công.

Theo Quy chuẩn, việc xây dựng các công trình trong vùng có gió bão cần tránh các giải pháp kiến trúc, kết cấu có các bộ phận hoặc chi tiết mà khi gặp bão hoặc mưa to sẽ tạo nên các tải trọng phụ bất lợi, các dao động có biên độ lớn, các túi nước. Chú ý sử dụng các loại hình kết cấu có lợi về mặt khí động học các loại kết cấu, cấu tạo truyền thống có khả năng chống bão tốt.

II. Nhận xét, đánh giá các quy định, hướng dẫn phòng tránh bão, đảm bảo an toàn nhà ở

1. Về ưu điểm

Qua thực tế triển khai, các quy định, hướng dẫn liên quan đến phòng tránh bão, đảm bảo an toàn nhà ở do Nhà nước ban hành có một số ưu điểm như sau:

- Các quy định, hướng dẫn phòng tránh bão, đảm bảo an toàn nhà ở đã được Nhà nước quan tâm và được ban hành từ các cơ quan quyền lực cao nhất là Quốc hội, Chính phủ đến Bộ liên quan để các địa phương áp dụng thực hiện. Chính vì vậy, công tác phòng, chống bão và khắc phục hậu quả do bão gây ra đã được triển khai thực hiện tốt tại các địa phương làm giảm thiểu đáng kể thiệt hại khi có bão.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng đã quy định bắt buộc tính toán đến tải trọng của gió khi khảo sát thiết kế các công trình xây dựng trong đó có nhà ở. Riêng nhà ở của các hộ dân trong vùng thường xuyên có bão, Bộ Xây dựng đã ban hành nhiều mẫu nhà, chi tiết thiết kế và phương án gia cố nhà cũ cụ thể để hướng dẫn các hộ dân vận dụng làm nhà có khả năng phòng, chống bão.

- Trong những năm qua, các quy định hướng dẫn phòng, chống bão, đảm bảo an toàn nhà ở đã đi vào cuộc sống được nhiều tổ chức, các hộ dân trong vùng thường xuyên có bão triệt để tuân thủ và vận dụng để làm mới hoặc gia cố nhà ở. Do vậy, nhà ở đã tăng mức độ an toàn, chống được tác động xấu của thiên tai, đảm bảo điều kiện sinh sống ổn định của người dân và giảm thiểu được rất nhiều thiệt hại do bão gây ra.

2. Về những mặt còn hạn chế, tồn tại

Mặc dù hệ thống các quy định liên quan đến an toàn nhà ở do gió, bão gây ra đã làm cho các công trình xây dựng đảm bảo vững chắc về kết cấu từ đó làm giảm thiểu rất nhiều thiệt hại về nhà ở do bão gây ra trong thời gian qua. Tuy vậy, trong thực tế hiện nay, hệ thống quy định trên cũng có những hạn chế nhất định như sau:

Một là, quy định về phòng tránh bão, lũ, lụt còn thiếu một số chế tài xử lý hoặc chế tài còn nhẹ đối với những trường hợp vi phạm công tác phòng chống bão. Còn có sự chông chéo về chức năng, nhiệm vụ cũng như phân định rõ trách nhiệm cho các cấp, các tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, do cơ chế, chính sách còn thiếu và chưa đồng bộ như: chưa có chính sách khuyến khích tham gia bảo hiểm về thiên tai; chưa có chính sách động viên, khen thưởng những tổ chức, cá nhân tự nguyện, có thành tích tham gia phòng chống thiên tai...

Hai là, hệ thống pháp luật liên quan đến phòng, tránh bão chủ yếu áp dụng cho các công trình có quy mô lớn, nhà ở cao tầng, chưa có những nghiên cứu ban hành những tiêu chuẩn phù hợp, có những quy định bắt buộc áp dụng đảm bảo an toàn cho nhà ở thấp tầng, nhất là nhà ở vùng thường xuyên có bão.

Ba là, việc nghiên cứu đưa ra những mô hình, mẫu nhà ở đã tạo điều kiện cho nhiều hộ dân thuộc nhiều vùng trên cả nước áp dụng nhằm giảm thiểu nhiều thiệt hại do bão gây ra. Tuy nhiên, một số mô hình, mẫu nhà ở chưa phù hợp với phong tục tập quán, điều kiện tự nhiên của một số vùng, miền. Hơn nữa, trong điều kiện kinh tế khó khăn hiện nay, mô hình, mẫu nhà ở chưa có tính khả thi đối với một bộ phận hộ dân, đặc biệt là những hộ nghèo.

Chương IV

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO

I. Các chính sách hỗ trợ nhà ở đã ban hành

Trong những năm vừa qua, Nhà nước đã ban hành một số chính sách hỗ trợ nhà ở cho người dân trong khu vực thường xuyên có thiên tai nhằm đảm bảo cho người dân có cuộc sống an toàn, ổn định, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Trong các chính sách đã ban hành, có chính sách áp dụng chung cho cả nước và chính sách áp dụng đối với từng vùng, từng loại đối tượng. Cụ thể như sau:

1. Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến 2015;

Quyết định quy định về quy hoạch, bố trí, sắp xếp lại dân cư ở vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn về đời sống, vùng biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng và một số cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, di cư tự do; giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh quốc phòng.

2. Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg ngày 10/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định quy định cụ thể đối tượng, phạm vi áp dụng, nguyên tắc hỗ trợ và các chính sách hỗ trợ cụ thể đối với các hộ thuộc diện đối tượng, trong đó có quy định hỗ trợ nhà ở cho các hộ dân phải di dời.

(Ngày 21/11/2012 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1776/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020 thay thế cho Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg và Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg nêu trên).

3. Chương trình xây dựng cụm, tuyển dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long

- Quyết định số 173/2001/QĐ-TTg ngày 6 tháng 11 năm 2001 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2001-2005, trong đó có nội dung tôn nền vượt lũ các cụm, tuyển dân cư để xây dựng nhà ở cho các hộ dân sinh sống trong vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

- Quyết định số 105/2002/QĐ-TTg ngày 2 tháng 8 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách cho các hộ dân vùng ngập lũ mua trả chậm nền nhà và nhà ở trong các cụm tuyển dân cư ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Theo quy định của chính sách thì các hộ dân được vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam để mua nền nhà ở trả chậm. Mức vay tối đa mỗi hộ là 10 triệu đồng, lãi suất vay là 0%, thời gian trả nợ 10 năm, trong đó có 5 năm ân hạn. Ngoài ra các hộ dân vào ở trong cụm, tuyển dân cư được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để mua nhà ở trả chậm. Mức vay tối đa là 7 triệu đồng/hộ, lãi suất vay là 3%/năm, thời gian trả nợ 10 năm, trong đó có 5 năm ân hạn.

- Quyết định số 1151/2008/QĐ-TTg ngày 26/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt bổ sung các Dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyển dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long. Theo quy định tại Quyết định này thì các hộ dân thuộc đối tượng của Chương trình vào ở trong các cụm, tuyển dân cư vùng ngập lũ được: Vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam để mua trả chậm nền nhà ở với mức 18 triệu đồng/hộ đối với khu vực ngập sâu (>3m); 16 triệu đồng/hộ đối với khu vực khác. Lãi suất vay là 0%, thời gian trả nợ 10 năm, trong đó có 5 năm ân hạn. Ngoài ra, được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để làm nhà ở. Mức vay tối đa là 15 triệu đồng/hộ, lãi suất vay là 3%/năm, thời gian trả nợ 10 năm, trong đó có 5 năm ân hạn.

- Quyết định số 1998/2010/QĐ-TTg ngày 03/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh cơ chế, chính sách thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyển dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long. Theo quy định của Quyết định này, các hộ dân thuộc đối tượng vào ở trong các cụm, tuyển dân cư được vay ưu đãi với mức vay tối đa là 28 triệu đồng/hộ đối với khu vực ngập sâu (>3m), 26 triệu đồng/hộ đối với khu vực khác để mua trả chậm nền nhà ở, đồng thời được vay ưu đãi để làm nhà ở với mức vay tối đa là 20 triệu đồng/hộ.

4. Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

Thực hiện chính sách này, cùng với việc hỗ trợ đất sản xuất, đất ở và nước sinh hoạt, Nhà nước trực tiếp hỗ trợ nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu

số nghèo, đời sống khó khăn để họ có nhà ở an toàn, ổn định, phòng, chống được tác động của thiên tai.

5. Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

Mục tiêu của chính sách này là cùng với việc thực hiện các chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010, Nhà nước trực tiếp hỗ trợ các hộ nghèo để có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo bền vững.

Các chính sách trên được áp dụng trên phạm vi cả nước, trong đó có các địa phương khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung.

6. Quyết định số 716/QĐ-TTg ngày 14/6/2012 Về việc triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Mục đích của chính sách là triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung để rút kinh nghiệm trước khi triển khai trên diện rộng.

II. Kết quả triển khai thực hiện các chính sách

Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân trong khu vực có thiên tai do Nhà nước ban hành đã đảm bảo cuộc sống ổn định hơn cho người dân. Quá trình thực hiện các chính sách đã mang lại một số kết quả cụ thể như sau:

- Thực hiện Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến 2015 và Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg ngày 10/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ các địa phương đang tập trung hỗ trợ các hộ gia đình tại các khu vực bị lũ ống, lũ quét, sạt lở đất di dời đến nơi an toàn theo hình thức xen ghép tại các cụm dân cư có sẵn hoặc di dời đến các điểm dân cư mới phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Thực hiện Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, đến nay các địa phương đã triển khai xây dựng 980 cụm, tuyến dân cư đảm bảo chỗ ở an toàn cho trên 160.000 hộ dân trong khu vực ngập lũ và sạt lở vào ở.

- Thực hiện Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, các địa phương trên cả nước đã xây dựng trên 370.000 căn nhà cho hộ đồng bào nghèo là dân tộc thiểu số. Trong đó, các tỉnh thuộc Khu vực đã hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hơn 119.500 hộ.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay các địa phương trong cả nước đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho trên 530.000 hộ trên tổng số 531.000 hộ theo kế hoạch; trong đó tại các tỉnh thuộc khu vực duyên hải bắc Bộ và Trung Bộ đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho trên 161.027 hộ.

Tổng vốn đã huy động toàn chương trình là: 12.391 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách Trung ương: 4.254 tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương: 796 tỷ đồng; vốn vay ngân hàng Chính sách xã hội: 3.817 tỷ đồng; vốn huy động khác: 3.524 tỷ đồng.

Hầu hết các căn nhà được xây dựng đều có chất lượng tốt, đảm bảo khang trang, chắc chắn và có kiến trúc phù hợp với phong tục tập quán của địa phương. Các trận lũ lớn năm 2010 và 2013 vừa qua tại các tỉnh miền Trung, hầu hết các căn nhà hỗ trợ đã không bị sập đổ hoặc bị lũ cuốn trôi. Nhờ vậy, người dân được đảm bảo an toàn trong thời gian có lũ, lụt và sớm ổn định cuộc sống khi bão đi qua.

- Thực hiện Quyết định số 716/QĐ-TTg ngày 14/6/2012 Về việc triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, các địa phương đã hoàn thành hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng chòi phòng tránh lũ, lụt cho 700/700 hộ, đạt tỷ lệ 100%.

Tổng vốn đã huy động: 29,16 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách trung ương: 7 tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương: 0,85 tỷ đồng; vốn vay ưu đãi: 7 tỷ đồng; vốn của hộ gia đình và huy động từ cộng đồng: 14,31 tỷ đồng.

III. Một số nhận xét, đánh giá các chính sách đã ban hành

1. Mặt được

Thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân trong khu vực bị thiên tai được Nhà nước ban hành trong những năm qua đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Các hộ dân thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo quy định của các chính sách trên đã có nhà ở an toàn, chống được tác động xấu của thiên tai bão, lũ, lụt, đảm bảo điều kiện sinh sống ổn định để phát triển sản xuất. Kết quả thực hiện của các chính sách trên đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội của

Chính phủ. Một số kết quả đạt được đồng thời cũng là những bài học quý để vận dụng trong xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ về nhà ở trong những năm tới như sau:

- Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo khu vực nông thôn, chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở tránh lũ cho hộ nghèo khu vực miền Trung; chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở cho hộ dân vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được kết quả tốt, nhiều hộ nghèo đã có nhà ở an toàn, ổn định, có điều kiện để yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế và vươn lên thoát nghèo bền vững. Đặc biệt là những căn nhà được hỗ trợ theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg, trong những năm vừa, mặc dù có rất nhiều cơn bão lớn nhưng hầu hết những căn nhà được hỗ trợ vẫn đảm bảo an toàn, đảm bảo điều kiện sinh sống ổn định. Nhờ vậy, hàng năm Nhà nước tiết kiệm được hàng trăm tỷ đồng để khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra đối với nhà ở;

- Cùng với nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, các chính sách về nhà ở đã huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội, nguồn lực trong dân để thực hiện và thực hiện tốt nguyên tắc: “Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để xây dựng nhà ở”;

- Việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở đã đảm bảo phù hợp với thực tế và có tính khả thi cao. Qua thực hiện thực tế, một số quy định của Chính sách đã được các địa phương đánh giá rất cao như quy định về cách thức thực hiện, nguyên tắc hỗ trợ, quy định cụ thể về chất lượng nhà ở v.v...

- Thực hiện Quyết định số 716/QĐ-TTg xây dựng chòi phòng tránh lũ, lạt các hộ dân đều tham khảo các thiết kế mẫu của Sở Xây dựng. Trên cơ sở các thiết kế mẫu, nhiều hộ gia đình đã có một số cải tiến, bổ sung về quy mô diện tích xây dựng, kiểu dáng kiến trúc, mức độ hoàn thiện v.v... đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của từng gia đình, vì vậy, các chòi được xây dựng đảm bảo chất lượng xây dựng và chiều cao sàn sử dụng tránh lũ, lạt.

2. Mặt hạn chế

Các chính sách hỗ trợ người dân trong khu vực bị thiên tai được Nhà nước ban hành trong những năm qua đã thực sự đi vào cuộc sống và mang lại hiệu quả rõ rệt. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các chính sách trên cũng còn một số vấn đề chưa phù hợp với khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung. Cụ thể như sau:

Một là, do bão tại khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung xảy ra thường xuyên và có cường độ lớn. Vì vậy, người dân tại các khu vực này cần có nhà ở kiên cố, chắc chắn để tránh bão. Tuy nhiên, theo quy định của các chính

sách trên thì đa số các hộ gia đình nghèo chưa đủ điều kiện để xây dựng được căn nhà kiên cố chống bão.

Hai là, với sự biến động của giá cả, mức hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo nhìn chung còn thấp và chưa có sự điều chỉnh phù hợp, kịp thời. Nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động từ cộng đồng cũng khó khăn nên ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách.

Ba là, hiện nay, có rất nhiều vùng khó khăn và các thôn (bản) đặc biệt khó khăn. Tại các vùng khác, với cùng mức hỗ trợ, mức vay có thể phù hợp để các hộ dân xây dựng được nhà ở theo đúng yêu cầu quy định. Tuy nhiên, tại những vùng khó khăn và tại các thôn (bản) đặc biệt khó khăn, với mức hỗ trợ và mức vay trên có thể chưa xây được nhà ở theo đúng yêu cầu quy định, do tại những nơi này phải chi phí nhiều hơn cho công tác vận chuyển vật liệu. Vì vậy, cần nghiên cứu để nâng cao mức hỗ trợ cho các đối tượng cư trú tại vùng khó khăn và tại các thôn (bản) đặc biệt khó khăn.

Bốn là, chưa có chính sách riêng, đặc thù, phù hợp để hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở an toàn, phòng, chống có hiệu quả với bão tại các tỉnh khu vực duyên hải.

Vì vậy, cần xây dựng chính sách riêng với cơ chế phù hợp, có tính khả thi áp dụng cho khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung.

Chương V

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ Ở PHÒNG TRÁNH BÃO CHO CÁC HỘ NGHÈO KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN BẮC VÀ MIỀN TRUNG

I. Đề xuất giải pháp hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão

Qua kết quả nghiên cứu đặc điểm thiên tai bão khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung, thực trạng nhà ở của các hộ dân trong vùng, nghiên cứu các quy định liên quan đến phòng, tránh bão; đồng thời tổng kết công tác phòng, chống thiệt hại do thiên tai bão của các địa phương và kinh nghiệm của người dân trong vùng cho thấy muốn giải quyết một cách căn cơ, triệt để những thiệt hại do bão gây ra cho người dân các tỉnh khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung cần thiết phải triển khai thực hiện đồng bộ một loạt giải pháp mang tính tổng thể, toàn diện. Hai nhóm giải pháp đã được nghiên cứu, đề xuất thực hiện, gồm: nhóm giải pháp thực hiện thường xuyên, lâu dài và nhóm giải pháp thực hiện trước mắt. Cụ thể như sau:

1. Nhóm giải pháp thường xuyên, lâu dài

Trong nhóm giải pháp thực hiện thường xuyên, lâu dài, gồm một số giải pháp sau:

- Giải pháp về hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến đảm bảo an toàn nhà ở như: rà soát, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng nhà ở phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng, từng khu vực; nghiên cứu, ban hành các giải pháp thiết kế nhà ở đảm bảo phù hợp, tránh được tác động của bão, lũ, lụt và các loại thiên tai khác; nghiên cứu ban hành các loại thiết kế mẫu nhà ở thích ứng với thiên tai và phù hợp với từng vùng, miền; nghiên cứu ban hành các hướng dẫn xây dựng nhà ở phòng tránh bão;

- Giải pháp đẩy mạnh thực hiện các chương trình, chính sách phát triển nhà ở để giảm tỷ lệ nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ, tạm bợ, tạo điều kiện cho các đối tượng xã hội, trong đó chú trọng tới các đối tượng là hộ nghèo có nhà ở chắc chắn, an toàn như: đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở cho các đối tượng xã hội, nhà ở cho người nghèo vào Nghị quyết của các cấp ủy Đảng cũng như đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và từng thời kỳ của các địa phương; kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các chính sách giảm nghèo các cấp để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện đảm bảo mục tiêu và yêu cầu đề ra; tăng cường lực lượng, nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo đảm an sinh xã hội các cấp từ Trung ương đến

địa phương để đảm bảo đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của công tác phát triển nhà ở; thực hiện chính sách xã hội hóa, huy động các nguồn lực trong xã hội và trong dân để thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở, gồm: Ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn vay ưu đãi, vốn huy động từ cộng đồng và tham gia đóng góp của người dân;

- Giải pháp về ứng dụng khoa học, công nghệ xây dựng nhà ở như: ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật và sử dụng vật liệu mới trong xây dựng nhà ở, ứng phó với thiên tai; nghiên cứu các loại vật liệu xây dựng nhà ở đảm bảo chất lượng, giá thành hạ, tiện sử dụng;

- Giải pháp về nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo như: xây dựng các công trình phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, đồng thời trang bị đồng bộ các thiết bị cần thiết để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo thiên tai trong đó có bão;

- Giải pháp về triển khai các chương trình, dự án ứng phó với bão như: trồng rừng ven biển, rừng đầu nguồn để chắn bão; xây dựng, củng cố vững chắc, đồng bộ hệ thống đê điều;

- Giải pháp về quy hoạch và bố trí lại dân cư đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai lâu dài.

2. Nhóm giải pháp thực hiện trước mắt

Trong nhóm giải pháp thực hiện trước mắt, gồm các giải pháp sau:

- Bố trí, ổn định theo hình thức tái định cư tập trung hoặc xen ghép theo quy hoạch đối với các hộ gia đình trong khu vực thường xuyên ảnh hưởng của những cơn bão mạnh;

- Xây dựng các nhà cộng đồng và tiến hành cải tạo, nâng cấp các công trình công cộng đã có như: trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế... để làm nơi tạm trú cho người dân khi có bão;

- Nâng cao khả năng tự phòng chống thiên tai của từng hộ gia đình, nhất là nâng cao điều kiện an toàn nhà ở trong khu vực thường xuyên có bão theo hướng: đối với các hộ gia đình có điều kiện về kinh tế thì hướng dẫn, vận động để các hộ dân xây dựng nhà ở kiên cố; đối với các hộ nghèo thì Nhà nước có chính sách hỗ trợ, kết hợp với các nguồn vốn huy động khác để giúp các hộ dân xây dựng mới hoặc thực hiện gia cường nhà ở đảm bảo khả năng phòng, tránh bão.

3. Nhận xét và đề xuất giải pháp lựa chọn phù hợp

Những giải pháp đảm bảo an toàn về nhà ở đề xuất nói trên là phù hợp và có tính khả thi cần được triển khai đồng thời, liên tục. Thực hiện tốt các giải

pháp trên sẽ đảm bảo điều kiện để nhà ở của người dân phòng, chống có hiệu quả với thiên tai nói chung và bão nói riêng. Trong các giải pháp đề xuất nói trên, nhóm giải pháp thực hiện thường xuyên, lâu dài thường có khối lượng thực hiện nhiều, đồng thời đòi hỏi số vốn đầu tư rất lớn nên phải triển khai dần từng bước trong nhiều năm; nhiều giải pháp phải triển khai thường xuyên, liên tục phù hợp theo đòi hỏi của thực tế từng thời kỳ.

Tuy nhiên, bão năm nào cũng xảy ra với tính chất ngày càng phức tạp và khốc liệt, đe dọa nghiêm trọng đến nhà ở của người dân. Vì vậy, cần lựa chọn triển khai thực hiện trước giải pháp ngắn hạn phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, có tính khả thi, để người dân trong vùng thường xuyên có bão sớm có nhà ở an toàn. Đối với nhóm giải pháp thực hiện trước mắt, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện các giải pháp sau:

- Bố trí, ổn định theo hình thức tái định cư tập trung hoặc xen ghép theo quy hoạch đối với hộ gia đình trong khu vực thường xuyên có bão. Tuy nhiên, do khó khăn về quỹ đất, đồng thời do tập quán sinh sống lâu đời của người dân nên giải pháp này không thể giải quyết triệt để số hộ dân trong khu vực thường xuyên có bão;

- Xây dựng nhà cộng đồng kết hợp phòng tránh bão, lũ tại các cụm dân cư thôn, bản.

Hiện nay, Nhà nước đang triển khai các chương trình xây dựng trụ sở cấp xã, phường; chương trình kiên cố hóa trường, lớp học; chương trình xây dựng các trạm y tế; trong đó quy định bắt buộc các công trình này xây dựng cao tại các khu vực thường xuyên có bão phải đảm bảo kiên cố để làm nơi trú ẩn khi có thiên tai bão, lũ xảy ra;

- Nâng cao khả năng tự phòng chống bão, đảm bảo an toàn nhà ở của các hộ gia đình, bao gồm các mô hình: xây dựng nhà ở kiên cố, gia cường nhà ở có sẵn đảm bảo chắc chắn để phòng, chống bão.

Thực tế cho thấy, đối với các hộ nghèo thì việc xây dựng nhà ở đảm bảo khả năng phòng, chống có hiệu quả đối với tác động của bão sẽ rất khó khăn nếu không có sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng. Tuy nhiên, hiện nay Nhà nước đang đồng thời phải thực hiện nhiều mục tiêu xóa đói giảm nghèo, việc cân đối ngân sách còn khó khăn, do đó việc hỗ trợ phải đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi.

Từ những phân tích trên đây, trong thời gian trước mắt, xin đề xuất lựa chọn giải pháp: Nâng cao điều kiện an toàn nhà ở cho người dân trong khu vực thường xuyên có bão. Theo đó, đối với các hộ có điều kiện kinh tế thì hướng dẫn, vận động các hộ này tự xây dựng, cải tạo nhà ở có khả năng phòng, chống

bão. Đối với các hộ nghèo thì thực hiện hỗ trợ xây dựng mới hoặc gia cường nhà ở đã có để phòng, chống bão.

Nội dung của giải pháp hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng mới hoặc gia cường nhà ở đã có để phòng, chống bão là Nhà nước hỗ trợ từ Ngân sách và cho vay ưu đãi, đồng thời huy động sự đóng góp của cộng đồng và tham gia đóng góp của hộ gia đình để mỗi hộ nghèo chưa có nhà ở hoặc đang ở nhà đơn sơ, tạm bợ có thể xây dựng được căn nhà có quy mô và chất lượng tương đương căn nhà quy định tại Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 26/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở. Cụ thể: căn nhà có diện tích tối thiểu 24 m², nhà ở đảm bảo “3 cứng” là: nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng. Ngoài ra, nhà phải có bao che kín đáo bằng xây gạch hoặc bằng vật liệu có sẵn tại chỗ, mái lợp phải đảm bảo chắc chắn, không bị tốc do tác động của gió bão. Đối với những hộ nghèo đã có nhà ở nhưng chưa đảm bảo khả năng phòng, chống bão thì thực hiện gia cường nhà đảm bảo chắc chắn chủ yếu để chống tốc mái khi có bão xảy ra.

II. Đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ

1. Quan điểm, nguyên tắc

1.1. Quan điểm

- Nâng cao ý thức chủ động, khả năng tự phòng, chống, đảm bảo an toàn nhà ở của người dân trong khu vực thường xuyên có bão;

- Nhà nước có chính sách phù hợp hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão để họ có điều kiện sinh sống an toàn, ổn định trong điều kiện có bão;

- Huy động kinh phí thực hiện từ cộng đồng và đóng góp của hộ gia đình là chủ yếu; Nhà nước thực hiện chính sách tạo điều kiện bằng hình thức cho vay ưu đãi, đồng thời thực hiện hỗ trợ một phần cho các hộ thuộc diện hộ nghèo.

1.2. Nguyên tắc

- Hỗ trợ trực tiếp đến các hộ gia đình thuộc đối tượng quy định để hộ gia đình tự làm nhà là chủ yếu với sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng. Chính quyền địa phương giám sát việc thực hiện;

- Bảo đảm công khai, công bằng và minh bạch đến từng hộ gia đình trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước; phù hợp với điều kiện thực tiễn, gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển nông thôn mới của địa phương;

- Huy động từ nhiều nguồn vốn để thực hiện: Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ và hộ gia đình tham gia đóng góp để hỗ trợ các hộ nghèo, có khó khăn

về nhà ở xây dựng được một căn nhà có khả năng phòng, tránh bão. Đối với những hộ nghèo đã có nhà ở nhưng chưa đảm bảo chắc chắn, Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để gia cường mái căn nhà có sẵn đảm bảo khả năng phòng, tránh bão;

- Hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở phòng, tránh bão (bao gồm xây dựng mới hoặc gia cường mái nhà ở) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có yêu cầu) và chỉ được chuyển nhượng sau khi đã trả hết nợ vay (cả gốc và lãi) cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Những nội dung chủ yếu của cơ chế, chính sách

2.1. Đối tượng hỗ trợ

Đối tượng được hỗ trợ là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Chính sách có hiệu lực thi hành; là hộ độc lập có thời gian tối thiểu 02 năm tính từ thời điểm tách hộ đến khi Chính sách có hiệu lực thi hành; **hộ không thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở phòng tránh bão, lụt khu vực miền Trung và diện đối tượng hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.**

Ngoài các điều kiện trên, đối tượng được hỗ trợ có một trong các điều kiện sau:

- Là hộ nghèo chưa có nhà ở hoặc đang ở nhà đơn sơ, tạm bợ (phải di dời khi có bão);

- Là hộ nghèo không ở nhà đơn sơ, tạm bợ nhưng nhà ở dễ bị hư hỏng, tốc mái khi có gió, bão (phải di dời khi có bão).

2.2. Phạm vi áp dụng

Các hộ thuộc diện đối tượng phải đang cư trú tại vùng thường xuyên có bão thuộc khu vực nông thôn hoặc đang cư trú tại các thôn, bản trực thuộc phường, thị trấn, xã trực thuộc thị xã, thành phố thuộc 20 tỉnh, thành phố khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung, gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.3. Xếp loại thứ tự ưu tiên hỗ trợ

Thực hiện hỗ trợ trước cho các đối tượng ưu tiên theo thứ tự sau:

- Hộ gia đình có công với cách mạng;
- Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số;
- Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...);
- Hộ gia đình đang sinh sống tại thôn đặc biệt khó khăn;
- Các hộ gia đình còn lại.

2.4. Số lượng hỗ trợ

Theo số liệu điều tra khảo sát từ các địa phương, tổng số đối tượng thuộc diện hỗ trợ là **85.100** hộ.

Trong đó:

- Số lượng hộ nghèo không có nhà ở hoặc đang ở nhà đơn sơ, tạm bợ (phải di dời khi có bão) là **37.700** hộ;

- Số lượng hộ nghèo không ở nhà đơn sơ, tạm bợ nhưng nhà ở dễ bị hư hỏng, tốc mái khi có bão (phải di dời khi có bão) là **47.400** hộ.

Số đối tượng hỗ trợ theo từng tỉnh được tổng hợp theo bảng sau:

TT	Tỉnh/Thành phố	Tổng số	Trong đó	
			Số lượng hộ nghèo không có nhà ở hoặc đang ở nhà đơn sơ, tạm bợ (phải di dời khi có bão)	Số lượng hộ nghèo không ở nhà đơn sơ, tạm bợ nhưng nhà ở dễ bị hư hỏng, tốc mái khi có bão (phải di dời khi có bão)
	Tổng số	85.100	37.700	47.400
1	Quảng Ninh	1.905	860	1.045
2	Hải Phòng	2.698	1.337	1.361
3	Thái Bình	2.278	1.587	691
4	Nam Định	3.436	2.091	1.345
5	Ninh Bình	650	338	312
6	Thanh Hóa	7.060	5.682	1.378
7	Nghệ An	4.758	3.000	1.758
8	Hà Tĩnh	5.344	4.551	793
9	Quảng Bình	9.010	4.121	4.889

10	Quảng Trị	4.371	701	3.670
11	Thừa Thiên - Huế	4.086	1.595	2.491
12	Đà Nẵng	1.000	700	300
13	Quảng Nam	6.657	1.988	4.669
14	Quảng Ngãi	11.500	3.687	7.813
15	Bình Định	7.462	1.773	5.689
16	Phú Yên	8.754	2.198	6.556
17	Khánh Hòa	466	235	231
18	Ninh Thuận	663	384	279
19	Bình Thuận	500	300	200
20	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.502	572	1.930

2.5. Yêu cầu về quy mô diện tích và chất lượng nhà ở

Yêu cầu về quy mô diện tích sử dụng và chất lượng nhà ở phải phù hợp với tình hình thực tế huy động các nguồn lực, đồng thời đạt được mục đích hỗ trợ là sau khi hỗ trợ, hộ nghèo có căn nhà chắc chắn có khả năng phòng, tránh bão với diện tích ở bình quân không quá thấp. Vì vậy, yêu cầu về quy mô diện tích và chất lượng nhà ở hỗ trợ cần đạt được như sau:

- Yêu cầu về quy mô diện tích:

Đối với đối tượng là hộ nghèo đang ở nhà đơn sơ, tạm bợ cần phải xây dựng mới. Nhà ở xây dựng mới có diện tích sử dụng tối thiểu 24 m². Đối với những hộ có một khẩu duy nhất có thể xây dựng nhà ở có diện tích nhỏ hơn để phù hợp với thực tế và khả năng huy động vốn nhưng diện tích sử dụng không thấp hơn 18m² (là diện tích bình quân đầu người trong cả nước).

- Yêu cầu về chất lượng:

Nhà ở xây mới phải đảm bảo chắc chắn, có bao che kín đáo, đảm bảo "3 cứng" là móng cứng, khung - tường cứng và mái cứng; móng, khung - tường làm bằng vật liệu bền chắc; mái làm bằng bê tông cốt thép, ngói, tôn... nhưng được gia cố chắc chắn tránh tốc mái khi có bão. Tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên.

Đối với hộ thực hiện gia cường nhà ở, cơ bản phần mái phải được gia cường đảm bảo chắc chắn tránh tốc mái khi có bão, gió lớn xảy ra.

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng huy động thêm nguồn lực hỗ trợ, các địa phương có thể quy định quy mô diện tích nhà ở lớn hơn và chất lượng cao hơn so với yêu cầu trên.

2.6. Kinh phí thực hiện

2.6.1. Mức hỗ trợ

a) Đối với hộ nghèo đang ở nhà đơn sơ, tạm bợ phải di dời khi có bão

Đối với những trường hợp này cần hỗ trợ để xây dựng mới nhà ở. Theo tính toán, tại thời điểm hiện nay, để xây dựng căn nhà có diện tích tối thiểu 24 m², chất lượng nhà ở đảm bảo "3 cứng", mái bằng hoặc mái chày nhưng được gia cố chắc chắn để chống tốc mái khi có bão thì giá thành mỗi m² sàn nhà ở khoảng 2 triệu đồng. Như vậy, giá thành căn nhà khoảng 48 triệu đồng, trong đó chi phí vật liệu chính khoảng **37 triệu đồng**, chi phí vật liệu phụ và nhân công khoảng **11 triệu đồng**. Vì vậy, đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 1/3 kinh phí làm nhà với mức **16 triệu đồng/hộ**.

b) Đối với hộ nghèo không ở nhà đơn sơ, tạm bợ nhưng nhà ở dễ bị hư hỏng, tốc mái khi có bão

Đối với những trường hợp này cần hỗ trợ để thực hiện gia cường nhà ở cơ bản để đảm bảo khả năng chống tốc mái khi có gió bão. Để mái nhà chắc chắn, không bị tốc khi có gió bão thì mái nhà có thể làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp tôn ... có chất lượng tốt và phải được chằng, néo để chống tốc khi có gió, bão. Nếu thực hiện gia cường nhà ở có khả năng phòng, tránh bão thì chi phí trung bình khoảng **12 triệu/nhà** (nhà ở có diện tích 24 m²). Đề nghị Ngân sách nhà nước hỗ trợ với mức **4 triệu đồng/hộ**.

Ngoài ra, trên thực tế có những hộ dân đang cư trú **tại vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ**, do điều kiện giao thông thấp kém, đi lại khó khăn nên tại những nơi này phải tốn rất nhiều công sức, chi phí cho công tác vận chuyển vật liệu so với những nơi khác. Vì vậy, đối với những hộ đang cư trú tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn, ngoài hỗ trợ theo các mức tương ứng với các đối tượng trên, đề nghị hỗ trợ bổ sung thêm từ Ngân sách nhà nước với mức **3 triệu đồng/hộ đối với những hộ xây dựng nhà ở mới và hỗ trợ với mức 1 triệu đồng/hộ đối với những hộ thực hiện gia cường nhà ở**.

2.6.2. Mức vay

- Đối với hộ thuộc đối tượng xây dựng nhà ở mới: đề nghị cho vay ưu đãi tối đa **16 triệu đồng/hộ** (khoảng 1/3 giá thành căn nhà) từ Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng nhà ở phòng, tránh bão;

- Đối với hộ thuộc đối tượng thực hiện gia cường nhà ở: đề nghị cho vay ưu đãi tối đa **4 triệu đồng/hộ** từ Ngân hàng Chính sách xã hội để gia cường nhà ở phòng, tránh bão;

Lãi suất vay 3%/năm; thời hạn vay là 10 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ tối đa là 5 năm bắt đầu từ năm thứ 6, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 20% tổng số vốn đã vay.

Ngoài mức hỗ trợ và mức vay thì huy động các nguồn vốn khác từ cộng đồng và tham gia đóng góp của hộ gia đình để thực hiện khoảng **16 triệu đồng/hộ** đối với nhà ở xây mới và khoảng **4 triệu đồng/hộ** đối với nhà ở thực hiện gia cường nhà ở.

2.6.3. Kinh phí quản lý thực hiện chính sách

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện chính sách đảm bảo đúng mục tiêu và yêu cầu, đề nghị cho phép các địa phương được sử dụng một khoản kinh phí quản lý thực hiện chính sách. Kinh phí này sử dụng vào các công việc chủ yếu sau:

- Điều tra, khảo sát, lập danh sách đối tượng và lập đề án hỗ trợ tại địa phương;
- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến chính sách;
- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát thực hiện;
- Sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng...

Số kinh phí quản lý thực hiện chính sách của từng địa phương được tính bằng 0,5% trên tổng số vốn hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước và vốn vay ưu đãi theo quy định. Nguồn kinh phí này lấy từ Ngân sách của các địa phương.

2.8. Về nguồn vốn thực hiện

2.8.1. Phân bổ vốn Ngân sách nhà nước

Vận dụng thực hiện theo văn bản số 677/TTg-KTTH ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ từ Ngân sách trung ương cho Ngân sách địa phương giai đoạn 2012-2015 như sau:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% nhu cầu kinh phí cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, gồm các tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận;

- Ngân sách trung ương hỗ trợ 50% nhu cầu kinh phí cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về Ngân sách trung ương dưới 50%, gồm các tỉnh/thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Khánh Hòa;

- Tỉnh Bà Rịa - vũng Tàu là địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương trên 50% nên ngân sách địa phương tự bảo đảm hỗ trợ.

Tuỳ điều kiện cụ thể, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hỗ trợ thêm từ Ngân sách địa phương để nâng cao chất lượng nhà ở tránh lũ cho các hộ gia đình.

2.8.2. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho các hộ dân thuộc diện đối tượng vay theo mức quy định. Nguồn vốn cho vay do Ngân sách trung ương cấp 50% trên tổng số vốn vay cho Ngân hàng Chính sách xã hội, 50% còn lại do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động. Ngân sách trung ương cấp bù chênh lệch lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

2.8.3. Vốn huy động

- Vốn huy động từ "Quỹ vì người nghèo" do Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và từ các tổ chức thành viên của Mặt trận phối hợp vận động từ cộng đồng xã hội, từ các doanh nghiệp do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vận động;

- Vốn tham gia đóng góp của chính hộ gia đình được hỗ trợ và huy động từ cộng đồng, dòng họ;

- Vốn huy động từ việc vận động, tiếp nhận các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra theo Nghị định số 64/2008/NĐ-CP ngày 14/5/2008 của Chính phủ *Về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo (Quỹ cứu trợ).*

2.7. Xác định tổng số vốn hỗ trợ

Căn cứ vào số lượng đối tượng hỗ trợ; mức hỗ trợ, mức vay ưu đãi và mức chi phí quản lý thực hiện chính sách đề xuất trên thì số vốn hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước và vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ cho số hộ thuộc đối tượng trên như sau:

- Tổng vốn Ngân sách nhà nước hỗ trợ là: **863 tỷ đồng**

Trong đó:

+ Vốn Ngân sách trung ương: **810 tỷ đồng;**

+ Vốn Ngân sách địa phương: **53 tỷ đồng.**

(Tính toán cụ thể theo phần phụ lục số I)

- Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội: **793 tỷ đồng;**

(Tính toán cụ thể theo phần phụ lục số II)

- Kinh phí quản lý: **8,3 tỷ đồng;**

- Vốn huy động của cộng đồng và hộ gia đình

Dự kiến vốn huy động từ cộng đồng và đóng góp của hộ gia đình là **16 triệu đồng/hộ** đối với hộ xây mới và **4 triệu đồng/hộ** đối với hộ thực hiện gia cường mái nhà ở, thì số vốn huy động khoảng: **793 tỷ đồng.**

2.9. Về giải ngân nguồn vốn hỗ trợ và cho vay

a) Đối với vốn hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước

- Đối với trường hợp xây dựng mới: thực hiện giải ngân lần đầu 70% vốn hỗ trợ sau khi hoàn thành phần móng, giải ngân tiếp 30% còn lại sau khi hoàn thành toàn bộ công trình.

- Đối với hộ thực hiện gia cường nhà ở: thực hiện giải ngân 100% vốn hỗ trợ sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc.

b) Đối với vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội

Giải ngân 100% vốn vay đối với những hộ dân thực hiện xây dựng mới sau khi hoàn thành phần móng và đối với những hộ dân thực hiện gia cường nhà ở đã có sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc.

3. Phương thức thực hiện

3.1. Thực hiện bình xét đối tượng từ cơ sở thôn, bản. Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách các hộ thuộc đối tượng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, kiểm tra và phê duyệt danh sách số hộ thuộc diện được hỗ trợ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm cơ sở lập và phê duyệt đề án hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

3.2. Cấp vốn làm nhà ở

a) Căn cứ số vốn được phân bổ từ ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân bổ cho cấp huyện;

b) Căn cứ số vốn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân bổ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ vốn hỗ trợ cho cấp xã;

c) Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3.3. Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ dân xây dựng nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở theo quy định và vận động các hộ tự xây dựng, cải tạo, gia cố nhà ở. Đối với các hộ có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...) không thể tự xây dựng nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các hộ này.

4. Thời gian và tiến độ thực hiện

Triển khai thực hiện từ năm **2014 -2016**

- Năm 2014: Các địa phương tổ chức bình xét, phê duyệt đối tượng và xây dựng đề án hỗ trợ. Thực hiện hỗ trợ cho 20% số hộ thuộc đối tượng;
- Năm 2015: thực hiện hỗ trợ 40% số hộ thuộc đối tượng;
- Năm 2016: thực hiện hỗ trợ 40% số hộ thuộc đối tượng;
- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện vào đầu năm 2017.

5. Về tổ chức thực hiện

Đề nghị phân giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành liên quan, UBND các tỉnh/thành phố trong triển khai thực hiện Chương trình. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội tham gia thực hiện Chương trình bằng các hình thức thiết thực. Cụ thể như sau:

5.1. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của các Bộ, ngành Trung ương đề nghị giao trách nhiệm cụ thể để triển khai thực hiện chính sách đạt hiệu quả cao, trong đó có những nhiệm vụ chính về hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện. Ngoài ra, giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành liên quan phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét giải quyết đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

5.2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội

a) Đối với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Đề nghị chỉ đạo các cấp bộ Đoàn các tỉnh tham gia thực hiện Chính sách theo các hình thức sau:

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách; tham gia vận động các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng ủng hộ bằng tiền, vật liệu xây dựng hoặc ngày công lao động để giúp đỡ các hộ nghèo xây dựng nhà ở tránh bão;

- Chỉ đạo các cấp bộ Đoàn có trách nhiệm tham gia xây dựng nhà ở phòng tránh bão cho các hộ nghèo; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ

chức xây dựng nhà ở phòng, tránh bão cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...).

b) Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Đề nghị, phối hợp với Chính phủ và chính quyền các cấp, các tổ chức thành viên của Mặt trận, tích cực vận động tạo thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão; đồng thời thực hiện chức năng giám sát quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đảm bảo đúng mục tiêu và yêu cầu.

5.3. Đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Đề nghị giao UBND các tỉnh/thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc lập, phê duyệt đề án và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão trên địa bàn; giao Sở Xây dựng là cơ quan thường trực của tỉnh/thành phố chỉ đạo thực hiện chính sách; tuyên truyền, vận động các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và cộng đồng nói chung ủng hộ, giúp đỡ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng mục tiêu và yêu cầu đề ra.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nước ta có bờ biển dài, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, hàng năm thường xuyên phải đối mặt với các loại hình thiên tai, đặc biệt là phải chịu nhiều cơn bão có cường độ rất mạnh. Các cơn bão mạnh kèm theo mưa lớn cộng với môi trường bị tàn phá nặng nề trong những năm gần đây đã gây nhiều tổn thất về người và tài sản cho người dân cũng như gây thiệt hại các cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hoá, xã hội của các địa phương. Khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung là nơi bị thiệt hại nặng nề nhất so với các khu vực khác do bão gây ra. Trong những năm gần đây, do biến đổi bất thường của khí hậu cũng như ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân khác nên tại các khu vực này bão có xu hướng gia tăng cả về số lượng và cường độ. Trên địa bàn khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung liên tiếp xảy ra các cơn bão lớn và áp thấp nhiệt đới kèm theo mưa lớn, làm xuất hiện các đợt lũ có cường độ rất mạnh, gây ngập lụt trên diện rộng. Các trận bão xảy ra đã làm nhiều người chết, đồng thời làm hàng trăm nghìn căn nhà bị ngập, trong đó nhiều căn nhà bị sập đổ hoặc bị nước cuốn trôi, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống của người dân.

Việc thực hiện các giải pháp tổng thể giúp người dân trong khu vực có điều kiện hạn chế đến mức tối đa thiệt hại do bão gây ra đã và đang được triển khai thực hiện tại các địa phương. Tuy nhiên, việc hoàn thành các giải pháp tổng thể đòi hỏi phải có nguồn lực rất lớn, đồng thời phải thực hiện liên tục trong nhiều năm. Tuy nhiên, thực tế cho thấy: tại khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung năm nào cũng có bão với mức độ ngày càng nguy hiểm. Vì vậy, cần có giải pháp cấp bách, kịp thời và phù hợp để giúp người dân, nhất là các hộ nghèo, hộ chính sách có cuộc sống an toàn, ổn định, giảm thiểu thiệt hại do bão gây ra, góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội của Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng chính phủ giao, Bộ Xây dựng phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương liên quan nghiên cứu xây dựng Đề án hỗ trợ nhà ở phòng, tránh bão cho các hộ nghèo khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Đề án, Bộ Xây dựng đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở phòng tránh bão cho các hộ nghèo khu vực duyên hải miền Bắc và miền Trung. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện./.

PHỤ LỤC

Phụ lục số I: BẢNG TÍNH TOÁN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tỉnh/ Thành phố	Đối tượng hỗ trợ đang ở nhà đơn sơ, tạm bợ phải di dời khi có bão			Đối tượng hỗ trợ không ở nhà đơn sơ, tạm bợ phải di dời khi có bão			Vốn hỗ trợ thêm các hộ dân vùng ĐBKK						Tổng vốn NSNN			
								Đối tượng hỗ trợ đang ở nhà đơn sơ, tạm bợ phải di dời khi có bão			Đối tượng hỗ trợ không ở nhà đơn sơ, tạm bợ phải di dời khi có bão						
		Số hộ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Số hộ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Dự kiến 20% tổng số hộ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Dự kiến 20% tổng số hộ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Tổng số	Tỷ lệ vốn NSDP	NSDP	NSTU'
1	2	3	4	5=3*4	6	7	8=6*7	9=3*20%	10	11=9*10	12=6*20%	13	14=12*13	15=5+8+11+14	16	17=16*15%	18=15-17
	Tổng số	37.700		603.200	47.400		189.600	7.540		22.620	47.404	20	47.404	862.824		52.484	810.340
1	Quảng Ninh	860	16	13.760	1.045	4	4.180	172	3	516	1.045	1	1.045	19.501	50	9.751	9.751
2	Hải Phòng	1.337	16	21.392	1.361	4	5.444	267	3	802	1.361	1	1.361	28.999	50	14.500	14.500
3	Thái Bình	1.587	16	25.392	691	4	2.764	317	3	952	691	1	691	29.799	0	0	29.799
4	Nam Định	2.091	16	33.456	1.345	4	5.380	418	3	1.255	1.345	1	1.345	41.436	0	0	41.436
5	Ninh Bình	338	16	5.408	312	4	1.248	68	3	203	312	1	312	7.171	0	0	7.171
6	Thanh Hóa	5.682	16	90.912	1.378	4	5.512	1.136	3	3.409	1.378	1	1.378	101.211	0	0	101.211
7	Nghệ An	3.000	16	48.000	1.758	4	7.032	600	3	1.800	1.758	1	1.758	58.590	0	0	58.590
8	Hà Tĩnh	4.551	16	72.816	793	4	3.172	910	3	2.731	793	1	793	79.512	0	0	79.512
9	Quảng Bình	4.121	16	65.936	4.889	4	19.556	824	3	2.473	4.889	1	4.889	92.854	0	0	92.854
10	Quảng Trị	701	16	11.216	3.670	4	14.680	140	3	421	3.670	1	3.670	29.987	0	0	29.987
11	Thừa Thiên - Huế	1.595	16	25.520	2.491	4	9.964	319	3	957	2.491	1	2.491	38.932	0	0	38.932
12	Đà Nẵng	700	16	11.200	300	4	1.200	140	3	420	300	1	300	13.120	50	6.560	6.560
13	Quảng Nam	1.988	16	31.808	4.669	4	18.676	398	3	1.193	4.669	1	4.669	56.346	0	0	56.346
14	Quảng Ngãi	3.687	16	58.992	7.813	4	31.252	737	3	2.212	7.813	1	7.813	100.269	0	0	100.269
15	Bình Định	1.773	16	28.368	5.689	4	22.756	355	3	1.064	5.689	1	5.689	57.877	0	0	57.877
16	Phú Yên	2.198	16	35.168	6.556	4	26.224	440	3	1.319	6.556	1	6.556	69.267	0	0	69.267
17	Khánh Hòa	235	16	3.760	231	4	924	47	3	141	231	1	231	5.056	50	2.528	2.528
18	Ninh Thuận	384	16	6.144	279	4	1.116	77	3	230	279	1	279	7.770	0	0	7.770
19	Bình Thuận	300	16	4.800	200	4	800	60	3	180	200	1	200	5.980	0	0	5.980
20	Bà Rịa - Vũng Tàu	572	16	9.152	1.930	4	7.720	114	3	343	1.930	1	1.930	19.145	100	19.145	0

Phụ lục số II: BẢNG TÍNH TOÁN VỐN VAY ƯU ĐÃI

Đơn vị tính: triệu đồng

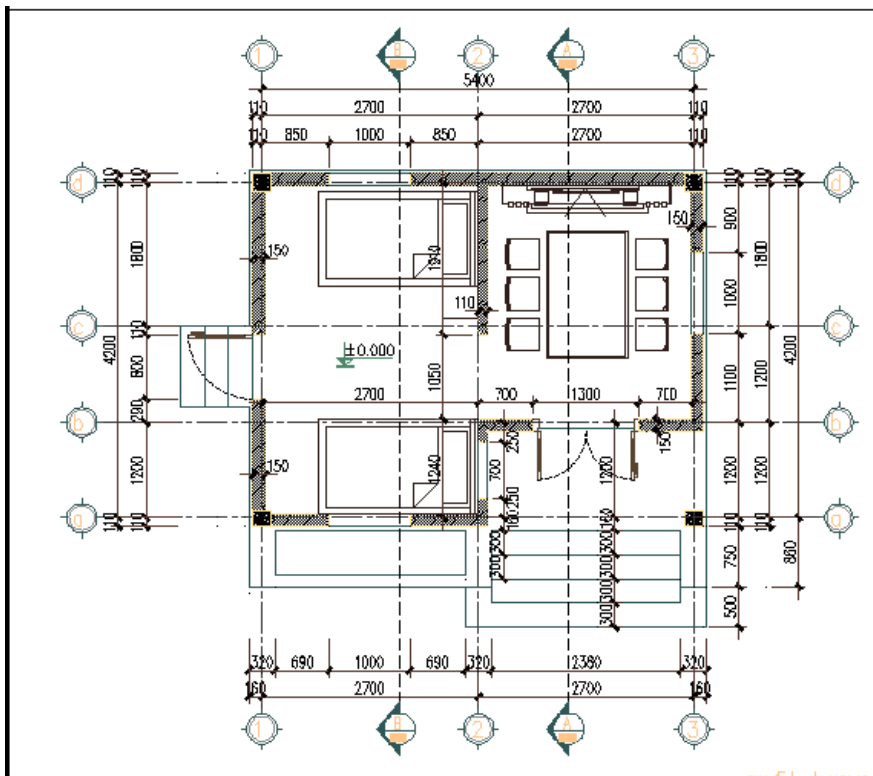
TT	Tỉnh/ Thành phố	Đối tượng hỗ trợ đang ở nhà đơn sơ, tạm bợ phải di dời khi có bão			Đối tượng hỗ trợ không ở nhà đơn sơ, tạm bợ phải di dời khi có bão			Tổng vốn vay ưu đãi
		Số hộ	Mức vay	Thành tiền	Số hộ	Mức vay	Thành tiền	Tổng số
1	2	3	4	5=3*4	6	7	8=6*7	12=5+8
	Tổng số	37.700		603.200	47.400		189.600	792.800
1	Quảng Ninh	860	16	13.760	1.045	4	4.180	17.940
2	Hải Phòng	1.337	16	21.392	1.361	4	5.444	26.836
3	Thái Bình	1.587	16	25.392	691	4	2.764	28.156
4	Nam Định	2.091	16	33.456	1.345	4	5.380	38.836
5	Ninh Bình	338	16	5.408	312	4	1.248	6.656
6	Thanh Hóa	5.682	16	90.912	1.378	4	5.512	96.424
7	Nghệ An	3.000	16	48.000	1.758	4	7.032	55.032
8	Hà Tĩnh	4.551	16	72.816	793	4	3.172	75.988
9	Quảng Bình	4.121	16	65.936	4.889	4	19.556	85.492
10	Quảng Trị	701	16	11.216	3.670	4	14.680	25.896
11	Thừa Thiên - Huế	1.595	16	25.520	2.491	4	9.964	35.484
12	Đà Nẵng	700	16	11.200	300	4	1.200	12.400
13	Quảng Nam	1.988	16	31.808	4.669	4	18.676	50.484
14	Quảng Ngãi	3.687	16	58.992	7.813	4	31.252	90.244
15	Bình Định	1.773	16	28.368	5.689	4	22.756	51.124
16	Phú Yên	2.198	16	35.168	6.556	4	26.224	61.392
17	Khánh Hòa	235	16	3.760	231	4	924	4.684
18	Ninh Thuận	384	16	6.144	279	4	1.116	7.260
19	Bình Thuận	300	16	4.800	200	4	800	5.600
20	Bà Rịa - Vũng Tàu	572	16	9.152	1.930	4	7.720	16.872

MỘT SỐ MẪU NHÀ

Mẫu nhà số 1:

Diện tích xây dựng 24,6m², nhà 01 tầng; móng xây gạch hoặc Bê tông cốt thép, tường xây gạch block, vì kèo gỗ, mái tôn có giàng chống tốc mái, cửa gỗ nhóm IV;

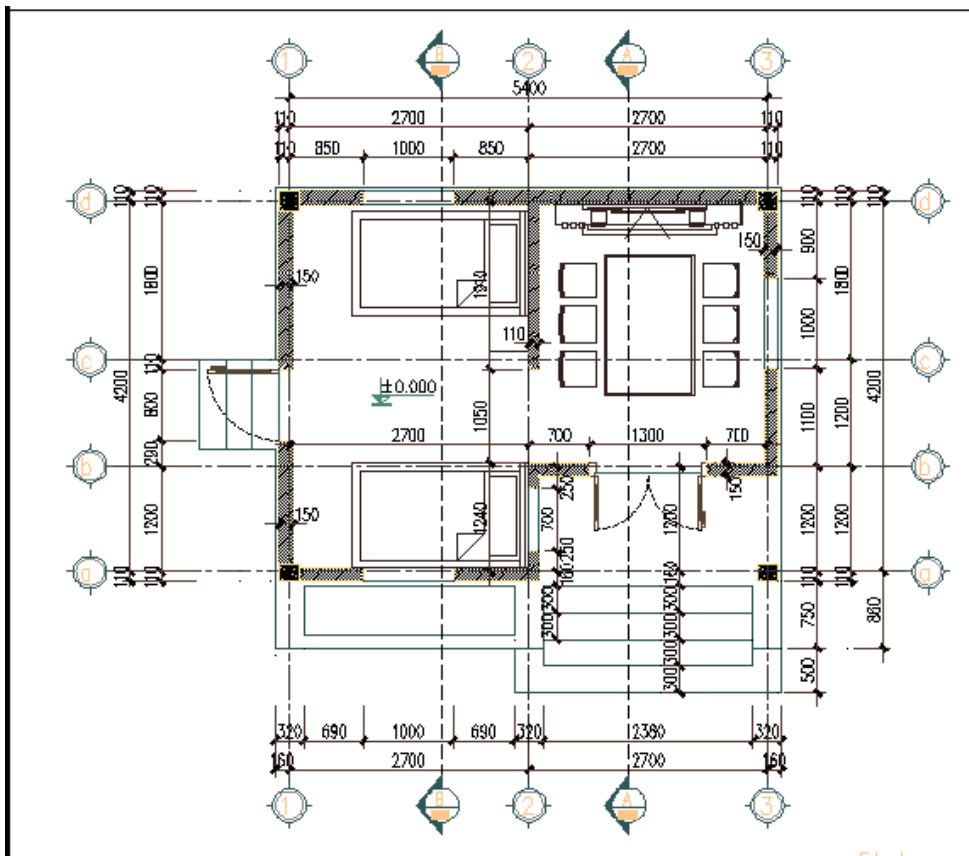
Kinh phí thực hiện mô hình khoảng 48 triệu đồng.



Mẫu nhà số 2:

Như mẫu nhà số 1 diện tích xây dựng 24,6 m², nhà 01 tầng; móng bê tông cốt thép, tường xây gạch block, mái bằng bê tông cốt thép, cửa gỗ nhóm IV;

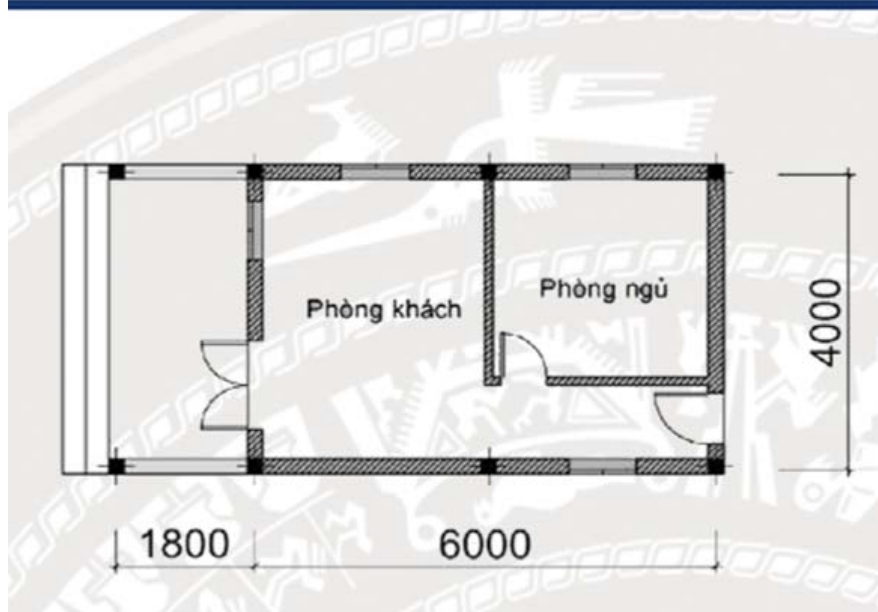
Kinh phí thực hiện mô hình khoảng 52 triệu đồng.



Mẫu nhà số 3:

Diện tích xây dựng 31,2m², nhà 01 tầng; móng xây gạch hoặc Bê tông cốt thép, tường xây gạch block, vì kèo gỗ, mái tôn có giàng chống tóe mái, cửa gỗ nhóm IV;

Kinh phí thực hiện mô hình khoảng 62 triệu đồng.

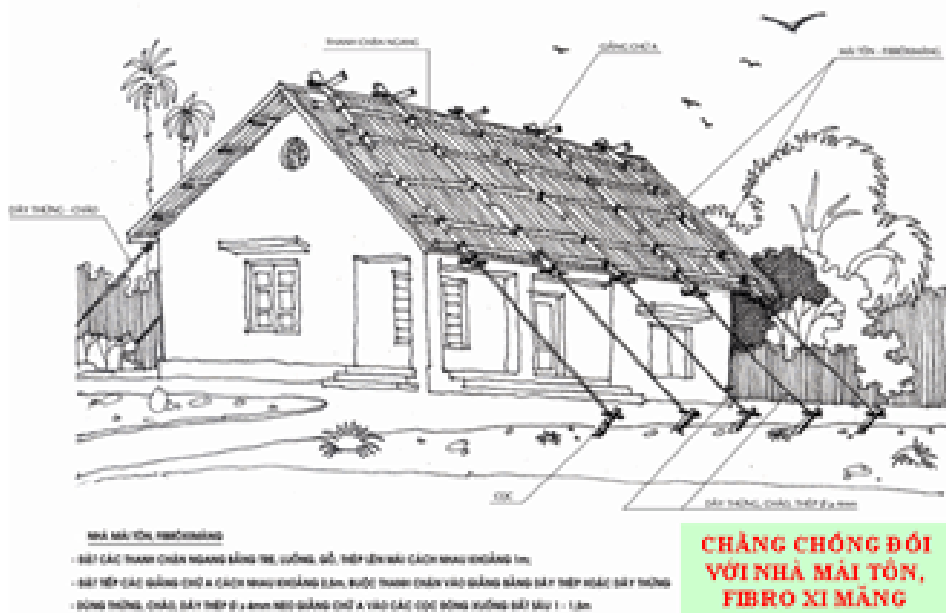


MỘT SỐ PHƯƠNG ÁN VÀ CHI TIẾT GIA CƯỜNG NHÀ

- Đối với nhà mái ngói: gia cố vì kèo, buộc ngói liên kết với litô, xây bờ nóc bờ chày tránh tốc mái.



- Đối với nhà mái tôn, fibro xi măng: dùng giằng chữ A và dây neo để chống tốc mái, đổ nhà.



- Một số chi tiết cấu tạo nhà chống bão

